

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Dịch giả: Thích Giác Nghiên

CÔNG ĐỨC

CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

TỔ IN KINH VĨNH HOÀNG CHÙA CAO LINH

Ấn tống - Kết duyên

☞ NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Printed for free distribution by
The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation
11F., 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.
Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415
Email: overseas@budaedu.org
Website: <http://www.budaedu.org>

This book is strictly for free distribution, it is not for sale.

KINH ẤN TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN



ĐÔI LỜI PHI LỘ

Trong Tập A Hàm Kinh đức Phật có dạy:

Làm được thân người là khó, được nghe giáo lý Phật Đà khó, được đi xuất gia lại càng khó hơn.

Quả thật người xuất gia thật không dễ dàng mà có được. Để có được nhận thức và quan niệm đúng đắn về việc xuất gia, người xuất gia, không những bản thân chúng ta phải xuất gia mà sau khi xuất gia, đối với Phật Pháp - Tam tạng giáo điển của Đức Phật phải có sự nghiên cứu tu trì, thực tập một cách chuyên cần sâu rộng may ra mới có thể lĩnh hội được xuất gia là như thế nào? Còn không thì chỉ như người mù sờ voi, chỉ biết một mà nói mười khiến cho các tầng lớp nhân sĩ, học giả, cư sĩ, Phật tử trong xã hội đối với người xuất gia không tường am hiểu, hay là hiểu một cách cạn hột, vì thế mới dẫn đến nhiều việc hiểu nhầm, hay nhìn nhận một cách phiến diện không chính xác, đại đa số người tại gia, tín đồ Phật giáo là như vậy.

Lại có một số Phật tử, chỉ hiểu được đôi chút giáo lý Phật Pháp, khi nhìn thấy chư Tăng có nhiều vị làm không đúng pháp, hay trình độ học vấn, đức hạnh kém hơn v.v..., thì sinh lòng ngã mạn. Mà không biết rằng, trong Kinh điển đức Phật tán thán công đức của người xuất gia như thế nào? Chính vì những ý nghĩ, hành vi của họ như thế đã tự làm héo rụi chúng





tử Bồ Đề ở trong tâm họ khiến cho Phật đạo xa vời.

Do đó, tôi không quản chút hèn mọn phiên dịch cuốn sách **CÔNG ĐỨC NGƯỜI XUẤT GIA** của Pháp Sư Thánh Nghiêm và Pháp Sư Huệ Quang thành tiếng Việt, ngõ hầu cống hiến một giọt nước nhỏ vào trong biển Phật Pháp, lại mong tín đồ Phật giáo, hay chưa phải là tín đồ Phật Giáo có cái nhìn nhận, hiểu biết đúng đắn về giới tu sỹ Phật giáo.

Phần trích dẫn trong sách **CÔNG ĐỨC NGƯỜI XUẤT GIA** đều được lấy từ **TÂN TU ĐẠI CHÍNH ĐẠI TẠNG KINH**.

Trong khi phiên dịch không tránh khỏi nhầm lẫn, khiêm xót, ngưỡng mong các bậc cao minh, các thiện hữu trí thức thùy từ chỉ giáo để lần xuất bản sau được hoàn thiện hơn.

Nguyện đem công đức này xin kính dâng lên tôn sư, bậc thầy khả kính của tôi, người đã đem tâm lực, trí lực, tài lực nuôi nấng dạy dỗ, chỉ bày cho tôi trên con đường tu học.

Chân thành tri ân công đức tổ in kinh Vĩnh Hoàng chùa Cao Linh đã phát tâm hộ trì kinh phí in ấn, xuất bản, để cuốn **CÔNG ĐỨC NGƯỜI XUẤT GIA** được ra mắt cùng chư quý độc giả.

Cảm ơn Phật tử: Lê Thị Thảo, Long Tịnh, Long Thiên đã giúp tôi đánh máy, chỉnh sửa bản in.

Xin hồi hướng công đức đến tất cả quý vị đã góp phần vào việc Pháp thí Phúc Tuệ Trang Nghiêm, tùy tâm mãn nguyện.



CÔNG ĐỨC CỦA NGƯỜI XUẤT GIA



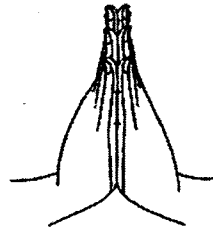
Cầu cho Phật Pháp trường tồn, thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc.

Nguyện cho pháp giới chúng sinh tình dữ vô tình đồng thành Phật đạo.

Viết tại hạ trường Nam Hải mùa an cư 2007

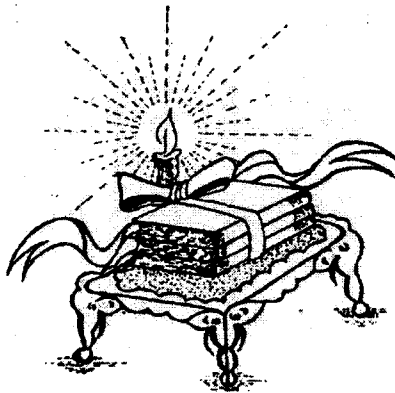
Hậu học tặng

Glác Nghiên



NAMASKARA MUDRA

Khuê thủ !







MỤC LỤC

Đôi lời phi lộ.....	03
1 - Xuất gia có tốt không ?	09
1.1 - Sự khác biệt của hai giới tại gia và xuất gia	09
1.2 - Xuất gia công đức lớn	14
1.3 - Tội cản trở người xuất gia	24
1.3.1 - Điều nghi khó thứ nhất	27
1.3.2 - Điều nghi khó thứ hai	31
1.4 - Xuất gia là tôn quý	39
1.5 - Công đức xuất gia không thể sánh lường ...	45
2 - Phật pháp và thế gian pháp	67
3 - Xuất gia không phải thùng đựng rau	73
3.1 - Xuất ly gia đình phiền não.....	75
3.2 - Hiểu được chân tướng của sinh mệnh.....	76
3.3 - Chuyên tâm tu hành.....	77
3.4 - Kết thúc lời nói	78
4 - Mười hai loại người không được thế độ xuất gia	78
5 - Ba mươi điều Tổ sư khuyên dạy người xuất gia	82
6 - Bài thơ tán thán chư Tăng của Hoàng Đế Thuận	





THÍCH GIÁC NGHIÊN dịch

Tri.....	86
7 - Quan niệm chính xác của người xuất gia.....	88
8 - Hòa sắc, hòa dạng và hòa thượng.....	97
9 - Ý nghĩa của sự thể phát	100
10 - Lấy thoái làm tiến, lấy im lặng làm biện bạch	104





P1 – XUẤT GIA CÓ TỐT KHÔNG?

1.1 - SỰ KHÁC BIỆT CỦA HAI GIỚI TẠI GIA VÀ XUẤT GIA

Tại sao chúng ta lại xuất gia?

Xuất gia có tốt không?

Xuất gia tất nhiên là tốt rồi.

Vậy thì tốt như thế nào?

Trong kinh, Đức Phật nói nhiều về lợi ích của người xuất gia. Ngài lấy hai giới: tại gia và xuất gia để so sánh. Qua đó hiển bày cái công dụng của người xuất gia.

Ví như trong Kinh Văn Thù Sư Lợi Sở Vấn, Đức Phật có nói: Nay ông Văn Thù Sư Lợi! Hết thấy các công đức cũng không thể sánh bằng người có tâm xuất gia.

Vì sao Như Lai lại nói như vậy?

Vì rằng:

Ở tại gia có rất nhiều tội lỗi, xuất gia công đức vô lượng.

Ở tại gia có nhiều chướng ngại, xuất gia không có chướng ngại.





Ở tại gia dễ làm điều ác, xuất gia lià bỏ điều ác.

Ở tại gia là nơi trần cấu ô nhiễm, xuất gia trừ bỏ được hết.

Ở tại gia chìm đắm trong bùn dục lạc, xuất gia ra khỏi vũng bùn tham nhiễm dục lạc.

Ở tại gia thuận theo pháp kẻ ngu, xuất gia xa lià pháp xấu.

Ở tại gia không được chính mệnh, xuất gia sống đời sống chính mệnh.

Ở tại gia ưu bi, khổ não, xuất gia thanh tịnh vui vẻ.

Ở tại gia ô nhiễm trói buộc, xuất gia giải thoát an vui.

Ở tại gia nhiều thương vong, tổn thất, xuất gia xa lià tất cả.

Ở tại gia tham lợi danh vọng, xuất gia từ bỏ mọi thứ.

Ở tại gia ồn ào náo nhiệt, nơi xuất gia tịch tĩnh yên vui.

Ở tại gia là nơi hạ tiện, chỗ xuất gia cao đẹp, thù thắng.

Ở tại gia phiền não quấy nhiễu, xuất gia





diệt lửa ưu phiền.

Ở tại gia thường vì người khác, xuất gia là vì chính mình.

Ở tại gia lấy khổ làm vui, xuất gia lấy sự từ bỏ làm vui.

Ở tại gia thành tựu pháp nhỏ, xuất gia thành tựu pháp lớn.

Ở tại gia thường không biết đủ, xuất gia biết đủ luôn vui.

Ở tại gia Ma Vương yêu mến, xuất gia Ma Vương kinh sợ.

Ở tại gia tâm luôn phóng dật, xuất gia tinh tiến tu đạo.

Ở tại gia làm nô lệ người để người sai khiến, xuất gia làm chủ nô lệ.

Ở tại gia là chỗ hây ám, xuất gia là nơi sáng sủa.

Ở tại gia dễ tăng trưởng lòng kiêu mạn, xuất gia dập tắt tâm kiêu mạn.

Ở tại gia nhiều người xiêm nịnh, xuất gia tâm luôn ngay thẳng.

Ở tại gia nhiều pháp lừa dối, xuất gia hành pháp chân thực.





Ở tại gia có nhiều tạp loạn, xuất gia tâm không tán loạn.

Ở tại gia ví như thuốc độc, xuất gia như nước cam lộ.

Ở tại gia mất đi sự tư duy nội tâm, xuất gia thì trái ngược lại.

Ở tại gia có nhiều sân hận, xuất gia nhiều pháp từ bi.

Ở tại gia lưu chuyển sinh tử, xuất gia sinh tử có kỳ.

Ở tại gia lấy tài vật làm quý, xuất gia lấy công đức làm quý.

Ở tại gia thuận dòng sinh tử, xuất gia ngược dòng sinh tử.

Ở tại gia tăng trưởng phiền não, xuất gia xa rời phiền não.

Đức Phật nói: *Nếu Như Lai nói cái phiền não của người tại gia và tán thán công đức của người xuất gia thì lời ta nói chắt đầy hư không cũng không hết được.*

Trong kinh Niết Bàn, Đức Phật nói rằng: *Sống ở tại gia bức bách ví như lao ngục, hết thấy các phiền não nhân đó mà sinh ra, xuất gia*





là con đường rộng rãi ví như hư không, hết thảy các pháp lành nhân đó mà tăng trưởng. Người ở tại gia trong lòng luôn nhớ nghĩ, yêu mến vợ con, bên ngoài thì bị nhà nước bắt đi làm các nghĩa vụ. Nếu giàu có cao sang thì phóng dật tự tình, nếu bần khổ hà tiện thì đói khát khổ đau, mất hết chính niệm, việc công, việc riêng luôn luôn quấy nhiễu xâm bức, ngày đêm lật đật, các việc lôi kéo trói buộc, làm gì mà có thời gian nhàn rỗi tu đạo được nữa.

Trong kinh Độ Gia Trưởng Giả, Đức Phật nói:

Người ở tại gia có nhiều phiền não, cha mẹ vợ con ân ái trói buộc, tham cầu không chán ngũ dục thế gian. Được rồi thì giữ gìn, lo lắng làm sao để cho khỏi mất, tâm chẳng được yên, luân chuyển sáu đường, xa rời Phật Pháp, không biết ngày nào ra được. Vì thế chúng ta phải nên nghĩ rằng: nhà mình là chỗ oan gia hội tụ cho nên các bậc trí thức thì nên chán bỏ sự sống ở chốn tại gia, khởi lòng xuất ly, cầu đạo giải thoát. Từ trước tới nay, chẳng có người nào ở tại gia tu chứng được đạo vô thượng





chính giác, đều phải xuất gia mới thoát sinh tử.

Đối với quý vị cư sĩ Phật tử tại gia mà nói, những đoạn Kinh văn dẫn dụ trên cũng đủ cho chúng ta luôn luôn tụng đọc, xem xét, ca ngâm để mà suy xét bản thân. Phải chăng là ở tại gia có đúng như trong Kinh văn Đức Phật nói không? Nếu Kinh văn mà nói đúng thì xuất gia có phải tốt lắm không?

Còn nếu như trong Kinh Văn nói sai, vậy hà có gì lại phải xuất gia? Thì bạn đã vượt qua phạm vi của hai giới tại gia và xuất gia rồi. Nếu phóng đại nên mà nói, bạn đã siêu việt hơn cả Đức Thích Ca Mâu Ni Phật. Vì ngay bản thân Đức Phật còn phải xuất gia, huống chi là bạn, bạn có thể tự mình làm một ngôi giáo chủ khác rồi.

1.2 - XUẤT GIA CÔNG ĐỨC LỚN

Xuất gia có nhiều điều tốt.

Vì thế, trong Kinh XUẤT GIA CÔNG ĐỨC, Đức Phật có nói:

Nếu để thiện nam tử, thiện nữ nhân và các





nô tỳ cùng với nhân dân xuất gia thì công đức của người đó vô lượng vô biên. Nếu so công đức cúng dường các vị A La Hán đầy trong bốn thiên hạ, cũng không bằng công đức của người vì đạo Niết Bàn. Do đó, công đức một ngày, một đêm xuất gia thụ giới lớn biết nhường nào.

Lại nữa, nếu xây tháp bằng bảy thứ báu, cao đến cõi Trời ba mươi ba, cũng không bằng công đức của người xuất gia.

Trong ĐẠI DUYÊN KINH có nói:

Bởi một ngày, một đêm xuất gia công đức cho nên mãi đến hai mươi kiếp sau không bị đọa vào trong tam ác đạo.

Lại trong TĂNG KỲ LUẬT có nói:

Nếu người một ngày, một đêm xuất gia tu hành phạm hạnh thì xa lìa sáu nghìn sáu trăm sáu mươi năm không phải đọa vào trong tam đồ.

Cũng trong KINH TẠP BẢO TÀNG có kể về một câu chuyện:

Nước Ấn Độ cổ đại có một vị quốc vương tên là Ưu Đà Tiên. Quốc vương có một vị phu nhân tướng mạo đoan trang, hình dung yêu kiều, mỹ lệ, đức hạnh hơn người. Vì thế, mà nàng





được quốc vương hết sức thương yêu, sùng kính, ái mộ.

Cho đến một ngày, phu nhân mắc phải một căn bệnh hiểm nghèo, thân mạng chỉ còn sống được mấy ngày ngắn ngủi. Quốc vương và phu nhân hết mực ưu tư, sầu thảm. Phu nhân khi đó nằm trên giường bệnh, thưa với quốc vương rằng:

- Bệ hạ! Thiếp từng nghe có một vị tỳ kheo ni giảng đạo, nói rằng: Nếu có người nào đó dùng tâm thành kính, chân thật xuất gia, chỉ cần người đó xuất gia một ngày, một đêm, nhờ công đức xuất gia có thể khiến cho người đó sau khi mệnh chung được sinh lên các tầng trời hưởng mọi thú vui vi diệu. Vì thế mà thiếp đây muốn xuất gia. Mong rằng Bệ hạ đồng ý cho thiếp xuất gia.

Nghe phu nhân nói thế, quốc vương vô cùng bối rối, trong lòng hết mực yêu thương, ái mộ nên ngài không nỡ rời phu nhân, bèn nói:

- Nàng vẫn còn sống được mấy ngày, đợi đến ngày cuối cùng của đời sống, xuất gia cũng chưa muộn.





CÔNG ĐỨC CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Đến ngày cuối cùng, phu nhân bèn từ biệt quốc vương, con cái trong hoàng cung xuất gia. Trước khi chia tay, quốc vương nói với phu nhân:

- Nàng có tâm chí thành muốn xuất gia, ta không thể vì cứ gì mà miễn cưỡng phu nhân được. Nhưng ta có một điều kiện: Sau khi nàng xuất gia, nếu mệnh chung mà được vãng sanh về các cõi Trời thì trước tiên phải đến báo với ta.

Phu nhân gật đầu chấp nhận lời yêu cầu của quốc vương, bèn từ giả hoàng cung xuất gia. Sau khi xuất gia thụ trì Bát Quan Trai giới, tinh tiến tu hành một ngày, một đêm, đến buổi sáng ngày thứ hai liền mệnh chung. Do công đức một ngày một đêm trì giới thanh tịnh nên sau khi mệnh chung phu nhân được sinh lên cõi Trời.

Trước khi vãng sinh lên cõi Trời, phu nhân nhớ lại lời hẹn ước, nàng liền tới thăm quốc vương. Lúc đó, đột nhiên xuất hiện một màu vàng sáng chói lợi, chiếu sáng khắp hoàng cung. Quốc vương rất kinh ngạc, hướng lên hư không mà hỏi rằng:

- Chẳng hay vị thần tiên ở phương nào vậy?





Vì sao lại đến nơi đây? Phải chăng có điều gì dạy bảo?

Phu nhân ở trên không trung bèn thưa rằng: Thiếp chính là phu nhân của ngài! Thiếp bây giờ đã là người cõi Trời. Sau khi xuất gia đến sáng hôm sau thiếp liền mệnh chung. Do công đức xuất gia nên thiếp mới được vãng sinh về cõi Trời. Trước khi sinh nên Trời nên thiếp đến thăm bệ hạ, giữ đúng lời hẹn ước.

Nghe phu nhân nói, quốc vương vô cùng hoan hỷ nói rằng:

- Tốt quá! Tốt quá! Nàng mau đến ngồi bên ta, ta nhớ nàng biết mấy!

Phu nhân liền trả lời rằng:

- Thiếp rất muốn xuống ngồi cùng bệ hạ, Nhưng bây giờ thiếp đã mang thân cõi Trời. Nếu lấy mắt của người cõi Trời mà nhìn thì thiếp thấy người bệ hạ rất bản thủ, thôi tha, toàn thân phát ra mùi xú uế và những người ở xung quanh bệ hạ cũng đều như vậy. Thiếp nói thực là không muốn kê cận, gần gũi với người ở cõi nhân gian. Chỉ vì trước kia thiếp có lời hẹn ước cùng bệ hạ nên mới đến để báo ước. Còn bây giờ,





thiếp xin từ biệt bệ hạ.

Nghe phu nhân nói, Quốc vương rơi lệ, bất giác than rằng:

Nàng vốn là phu nhân mà ta hết mực yêu thương, vì xuất gia có một ngày, một đêm mà được sinh làm thân ở cõi Trời, còn cao quý hơn cả ta nhiều. Ta hà cớ gì lại không xuất gia? Ta cũng từng nghe nói: Phú quý giàu sang ở cõi Trời dù chỉ bằng trong lòng bàn tay cũng đủ để so với của báu của toàn thể gian này hợp thành. Huống chi, ta chỉ là Quốc Vương của một nước nhỏ, có cái gì đáng giá để mà lưu luyến?

Quốc Vương liền triệu tập quần thần quyết định trao truyền vương vị cho thái tử, sau đó ngài xuất gia. Chẳng bao lâu chứng được quả vị A-La-Hán vô lậu giải thoát hơn cả phu nhân nhiều lần.

Bởi thế, trong ĐẠI CHỈ ĐỘ LUẬN, Bồ Tát Long Thọ có bài kệ tán thán rằng:

*Không Tước tuy có sắc nghiêm thân
Bất như Hồng Hạc năng viết phi
Bạch y tuy hữu phú quý lực
Rất như xuất gia công đức thâm.*





Có nghĩa rằng: con chim Công tuy có màu sắc tươi đẹp để trang nghiêm thân mình cũng không bằng chim Hồng Hạc có thể bay xa. Người bạch y tuy rằng giàu có, cao sang cũng không bằng công đức sâu dày của người xuất gia.

Lại nói một ngày, một đêm xuất gia mà công đức được vãng sinh lên cõi Trời. Chẳng trách mà ngay đến bậc Cửu Ngũ trí tôn là vua của một nước quyền uy tột đỉnh còn phải tự than rằng: “Không bằng người xuất gia thà nguyện từ bỏ giàu sang phú quý của đấng quân vương mà xuất gia tu hành, cuối cùng cũng chứng được quả vị giải thoát Niết Bàn”.

Vì thế sự thù thắng của việc xuất gia, độc giả tự mình có thể hiểu được.

Trong KINH XUẤT GIA CÔNG ĐỨC cũng ghi rằng :

Khi đức Phật còn tại thế, có một vị thái tử tên là Bình Na Tiên La bản tính tham đắm tửu sắc, dâm dật vô độ. Thọ mệnh chỉ còn có bảy ngày, khi sắp đến ngày cuối cùng trước khi chết, Đức Phật liền nói với ngài A-Nan:





CÔNG ĐỨC CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Này A-Nan! Vị thái tử này không lâu sẽ chết. Nếu không xuất gia thì chỉ sợ sau khi mệnh chung sẽ bị đọa địa ngục.

A-Nan sau khi nghe Đức Phật nói như vậy liền đến hóa độ cho thái tử Bính Na Tiên La xuất gia. Nhưng vì thái tử quá ưa tham luyện dục lạc, đợi đến ngày cuối cùng mới đến đầu Phật xuất gia. Một ngày, một đêm tinh tiến tu trì giới luật, đến sáng ngày hôm sau liền từ bỏ thế gian.

Sau khi thái tử Bính Na Tiên La mệnh chung, Đức Phật liền dùng thiên nhãn thông và túc mệnh thông để quan sát, thấy thái tử được vãng sinh lên tầng trời thứ nhất (Trời Tứ Đại Thiên Vương) của cõi dục giới, sinh làm thái tử của vua Trời phía Bắc. Tỳ Sa Môn Thiên Vương hưởng mọi thú vui dục lạc, thù thắng của chư thiên, thọ mệnh năm trăm tuổi. Sau khi hưởng hết mệnh chung, lại được sinh sang tầng trời thứ hai làm thái tử con của Đạo Lợi Thiên Vương, thọ mệnh một nghìn tuổi. Sau khi mệnh chung, liền sinh lên tầng Trời thứ ba, làm thái tử của Diêm Ma Thiên Vương, thọ mệnh hai nghìn tuổi. Sau khi mệnh chung, lại sinh lên





tầng trời thứ tư làm thái tử con của vua trời Đâu Suất, thọ mệnh bốn nghìn tuổi. Sau khi hưởng hết tuổi thọ ở Trời Đâu Suất, liền được sinh lên tầng Trời thứ năm làm thái tử, con của Hóa Lạc Thiên Vương sống lâu tám nghìn tuổi. Ở Trời Hóa Lạc, hưởng hết thọ mệnh, lại được sinh lên tầng trời thứ sáu làm thái tử, con của Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương, sống lâu một vạn sáu nghìn tuổi.

Qua đó chúng ta thử nghĩ xem, thái tử Bính Na Tiên La chỉ có công đức xuất gia trì giới, tu hành một ngày, một đêm mà được sáu lần sinh trong sáu tầng Trời của cõi dục giới, hưởng mọi vui thú dục lạc vi diệu mà mỗi lần tái sinh lại gấp đôi lần trước hưởng hết tuổi thọ mới chết, chứ không bị chết yểu.

Không những thế, thái tử Bính Na Tiên La sau khi hưởng hết phúc báo ở cõi Trời liền được sinh xuống nhân gian làm người giàu có, của cải đầy dẫy, phúc lạc viên mãn, đến tuổi già chán ghét vui thú thế gian liền xuất gia tu đạo chứng ngộ trở thành Bích Chi Phật, hóa độ rất nhiều chúng sinh cõi Trời, cõi người.





CÔNG ĐỨC CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Vì thế, trong KINH XUẤT GIA CÔNG ĐỨC, Đức Phật có nói:

Công đức của người xuất gia vô lượng vô biên. Bởi do nhân duyên xuất gia mà không có gì có thể so sánh được. Ví như nếu có người nào thọ mệnh một trăm tuổi mà cả cuộc đời tận tâm cúng dường, tứ sự không thiếu cho các vị A La Hán đầy bốn thiên hạ, tận cho đến khi chứng được đạo quả Niết Bàn, lại vì mỗi vị đó mà xây tháp cúng dường, dùng các thứ báu tràng hoa anh lạc để mà trang nghiêm chúng cùng cúng dường. Cúng dường như vậy mà công đức của người đó cũng không bằng người vì đạo Niết Bàn một ngày, một đêm xuất gia tinh tiến, trì giới tu hành.

Lại ở trong KINH HIỆN NGU, Đức Phật có nói:

Ví như có một trăm người bị mù lòa cả đời không biết ánh sáng, gặp được một thầy thuốc giỏi vì những người mù đó mà chữa khỏi bệnh, nhìn thấy ánh sáng như bao người khác. Lại có một trăm tội nhân chịu tội khoét mắt mà lại có người đầy đủ năng lực cứu hết được mọi tội





nhân kia, khiến cho yên ổn chẳng bị khoét mắt. Chúng ta nghĩ xem hai người đó được phúc vô lượng chăng? Tất nhiên là rất lớn rồi! Thế mà phúc báu của họ cũng không bằng người xuất gia. Khuyến khích cho người xuất gia và tự xuất gia thì phúc báu vô lượng vô biên không gì sánh được.

1.3 - TỘI CẢN TRỞ NGƯỜI XUẤT GIA

Công đức của người xuất gia lớn như vậy nên cản trở người xuất gia thì tội lỗi và quả báo cũng vô lượng vô biên.

KINH XUẤT GIA CÔNG ĐỨC có nói :

Nếu có người nào dùng các hình thức như lưu giữ, cản trở, ngăn che người xuất gia thì hạng người đó tức đoạn giống Phật, cái ác đầy người, lớn như đại hải, hiện tại thì mắc bệnh cơ thể thối rữa, sau khi chết đọa vào địa ngục tối tăm, không có kì hạn nào mà ra khỏi được.

Thật là đáng sợ! Có một số tín đồ Phật tử tham nhiễm, say đắm ngũ dục thế gian không có một chút mảy may nào tâm niệm cầu mong





xuất thế, mỗi khi nhìn thấy người muốn xuất gia liền nói một số đạo lý thế tục, nào là ở tại gia cũng có thể tu hành, không nhất thiết phải xuất gia v.v... làm ảnh hưởng đến người có tâm chí xuất gia. Người mà nói ra những lời nói này, sao không nghĩ mà xem, bản thân mình vô tình đã làm trở ngại người xuất gia, sau này ắt chịu quả báo.

Bây giờ chúng ta cùng nhau xem một đoạn trong KINH PHỔ PHÁP TẠNG, Đức Phật có kể:

A La Hán - Xà Dạ Đa khi còn tại thế, một hôm cùng với các vị đệ tử đi vào một tòa thành để khát thực. Trên đường đi, Ngài nhìn thấy một con chim đậu trên cành cây. Xà Dạ Đa liền mỉm cười. Các đệ tử thấy vậy liền hỏi:

- Vì nhân duyên gì khiến Sư phụ khi nhìn thấy con chim kia lại mỉm cười vậy?

Xà Dạ Đa liền nói:

- Ta nghĩ về thuở quá khứ chín mươi hai kiếp trước, có một Đức Phật ra đời, hiệu là Tỳ Bà Thi Như Lai. Khi đó, Ta sinh ra làm con của một gia đình kia, lớn lên Ta có chí nguyện xuất





gia, hy vọng rằng sau khi xuất gia tu hành sẽ chứng được quả vị A-La-Hán giác ngộ, giải thoát. Nhưng cha mẹ của Ta không đồng ý, cưỡng ép Ta lấy vợ rồi mới cho Ta xuất gia. Sau khi lấy vợ xong, Ta lại yêu cầu cha mẹ cho xuất gia, nhưng cha mẹ Ta vẫn không đồng ý mà nói với Ta rằng: chỉ cần Ta sinh cho họ một đứa cháu trai thì họ sẽ cho Ta xuất gia. Lúc đó, Ta thật sự không còn cách nào, đành để vợ ta sinh con. Đợi đến khi con ta sáu tuổi, Ta lại có ý nguyện xuất gia. Thật không ngờ cha mẹ bảo với con Ta ôm chân ta, vừa ôm vừa khóc mà nói rằng: Cha ơi! Nếu cha bỏ con mà xuất gia thì ai là người nuôi nấng chăm sóc, dưỡng dục con? Trừ khi cha hãy giết con rồi sau đó hãy xuất gia!

Nhìn thấy con mình than khóc như vậy, mỗi tâm tình máu mủ ruột thịt cha con trào dâng trong tim Ta, Ta liền nói với con rằng:

Thôi được! thôi được! Vì con thương yêu, cha từ bỏ ý nguyện xuất gia

Kết quả, người con trai của Ta từ khi đó trải qua chín mươi một kiếp luân hồi sáu ngả, sống





CÔNG ĐỨC CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

đi chết lại. Hôm nay, Ta dùng thiên nhãn quán xét con chim này, biết đó chính là đứa con trai của Ta chín mươi một kiếp về trước. Lòng ta thương xót lũ chúng sinh quá ngu si, chịu khổ triền miên trong đường sinh tử. Rất may bản thân Ta được xuất gia, giải thoát khổ đau phiền não, vì thế mà Ta mới mỉm cười vậy.

Qua đó, chúng ta có thể hiểu, nếu mà có người nào làm trở ngại người xuất gia thì người đó phải chịu báo ứng mọi nỗi thống khổ trên các nẻo ác, khó ngày ra khỏi, không biết lúc nào mới được giải thoát. Đợi đến khi chịu hết tội rồi, nếu được sinh làm thân người thì khi mới sinh ra liền bị mù mắt.

Vì thế mà người có trí tuệ nhìn thấy hay biết được người nào muốn xuất gia thì nên nỗ lực giúp đỡ, tác thành cho họ xuất gia, không nên cản trở, gây mọi phiền hà khó khăn.

1.3.1 - ĐIỀU NGHI KHÓ THỨ NHẤT

Xuất gia tuy là có công đức lớn như vậy nhưng mà không phải tin đồ Phật giáo nào





cũng đều có tâm mong cầu chí hướng xuất gia, trừ một bộ phận nhỏ có lí do chính đáng không thể xuất gia được còn phần nhiều là tham đắm ngũ dục thế gian, lục căn rong ruổi chạy theo thanh sắc như con ngựa vậy. Hay còn một số người trong lòng không dứt trừ được lòng thương vợ, yêu con, họ bị ngũ dục thế gian nhấn chìm tâm xuất thế, chẳng có mấy may chí hướng xuất ni thoát mọi thống khổ, bứt bách triền miên, chỉ đành thuận theo, phó mặc cho bánh xe luân hồi xoay chuyển, trôi nổi lặn ngụp trong biển sinh tử, lấy khổ làm vui, nhô lên chìm xuống, không biết ngày nào ra khỏi.

Nếu không như vậy, phần nhiều tín đồ Phật Giáo không có tâm niệm muốn xuất thế gian thì cũng là người không có chính tín Phật Pháp, lòng chưa thâm nhập giáo lý Phật Đà, chẳng nhận biết được cái khổ thế gian mà không biết rằng hết thảy vạn pháp đều là vô thường, khổ không vô ngã. Do đó, họ tự nhiên không có tâm cầu giải thoát. Ngược lại, nếu là người chính tín Phật Pháp mà không có tâm niệm xuất thế thì thật đáng cười hay sao? Kì quặc quá vậy!





CÔNG ĐỨC CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Ngoại trừ các việc trên thì những việc có liên quan đến những ưu lo của người xuất gia đều có thể giải quyết được.

Ví dụ: Người thế gian phản đối người xuất gia. Họ nói: nếu mà mọi người đều xuất gia, không có ai cấy cày gặt hái, không có người buôn bán lưu thông, vận chuyển hàng hóa thì trong đời sống sinh hoạt của chúng ta làm gì có những nhu cầu đồ dùng, phẩm vật v.v... những thứ đó từ đâu mà đến được? Khi mới nghe thì thấy lời nói kia rất có lý, kì thực thì nó không thể thành lý do chính đáng được.

Trong KINH CA DIỆP, Đức Phật có nói :

Này Đại Vương! Thái tử khi nghe được công đức thậm thâm của việc xuất gia liền khởi tâm muốn xuất gia. Cùng lúc đó, bốn châu thiên hạ không có một chúng sinh nào là người tại gia, họ đều cùng nhau phát tâm nguyện cầu xuất gia. Tất cả chúng sinh khi xuất gia đều không cần cấy cày mà trời tự nhiên sinh ra các loài ngũ cốc, cây cối tự nhiên sinh ra quần áo, tất cả chư thiên đều cung cấp cúng dường cho các thứ cần dùng.





Vật chất dùng cho con người, tuy là bản cùng hay giàu có đều do phúc báo của mỗi người mà chiêu cảm. Công đức của người xuất gia rộng lớn thâm sâu là nhờ phúc đức của người tại gia cảm ứng thì tự nhiên người xuất gia đầy đủ các thứ cần dùng, những nhu cầu của họ trong đời sống tu hành không hề thiếu thốn.

Trong KINH PHẬT TẠNG, Đức Phật dặn dò chúng đệ tử xuất gia không nên lo sợ thiếu cơm ăn áo mặc. Ngài nói:

Các con nên nhất tâm làm việc Đạo, tùy thuận theo các pháp mà làm, không nên lo nghĩ về cơm ăn, áo mặc. Nếu thật sự các con có nhu cầu thì trong tướng Bạch Hào của đức Như Lai sẽ hóa hiện ra hết thảy các thứ cần dùng để cúng dường chúng đệ tử xuất gia ở đời mạt pháp.

Vì thế, người có tâm xuất gia, thực tế không cần lo lắng sau khi xuất gia không có cái ăn, cái mặc, chỉ cần một lòng hướng đạo thì tự nhiên có các Hộ Pháp gia trì ủng hộ và bảo vệ người đó. Lòng từ bi và phúc đức của Phật không bao





giờ từ bỏ chúng đệ tử của mình.

1.3.2 - ĐIỀU NGHI KHÓ THỨ HAI

Lại nữa trong tín đồ Phật giáo có lưu truyền một số quan niệm tưởng là đúng mà không biết rằng đó là những quan niệm sai trái vậy.

Ví dụ:

Nếu có một vị nào đó muốn xuất gia thì có người đối với vị muốn xuất gia đó mà nói rằng: Xuất gia là rất tốt. Nhưng xuất gia phải tu hành, nghiêm trì giới luật, không được phạm giới, không được phá giới. Nếu không như thế thì của đàn na thí chủ bố thí cho ăn khó mà tiêu lắm! Người xưa lại có câu: Đời nay không liễu đạo, mặc lông đội sừng hoàn. Có nghĩa là: Đời nay xuất gia, mà không được đạo giải thoát thì kiếp sau phải đầu thai làm thân trâu ngựa mà đên hoàn vậy. Lời nói đó nghe như muốn nói người xuất gia thật không dễ dàng, đơn giản chút nào. Xuất gia, nếu mà tu hành không có thành tựu thì đời sau đọa vào ác đạo





để mà trả nợ vậy.

Kết quả của câu nói đó là thế nào? Có người tâm muốn xuất gia, khi nghe người nói như vậy, lòng tin liền sinh ra nghi hoặc, ý chí lung lay, tâm do dự khởi lên, không tự mình quyết định được là nên hay không nên xuất gia?

Kì thực, xuất gia thật đáng sợ như vậy sao? Lời nói trên phải chăng là nói phóng đại chẳng? Bậc cổ đức tuy nói rằng: Đời nay không liễu đạo, mặc lòng đội sừng hoàn nhưng đó là những lời lẽ khích lệ, động viên người xuất gia chăm chỉ tinh tiến tu hành, đừng nên trễ nải. Đó chỉ là những lời nói phương tiện, tuyệt đối không phải sự thật. Một số tín đồ Phật Giáo không hiểu dụng ý người xưa hay cố tình không hiểu, lấy lòng ngồng làm tên bắn, tự lừa mình, lại đi dối người vậy?

Chúng ta nếu không ngại thì hãy trực tiếp lấy trong Tạng Kinh ra mà xem, Đức Phật dạy chúng đệ tử của Ngài nên có cách nhìn đối với người xuất gia như thế nào?

Trong ĐẠI CHỈ ĐỘ LUẬN, Bồ Tát Long





Thọ có nói:

Người mà nương theo Phật Pháp để xuất gia tuy phá giới cũng có khả năng đọa lạc nhưng đợi tới khi tội báo chịu hết cuối cùng cũng đều chứng được quả vị giải thoát.

Câu chuyện sau đây, đủ để minh chứng điều Đức Phật dạy:

Khi đức Phật còn tại thế, trong chúng đệ tử của Phật có một vị Tỳ kheo ni tên là Liên Hoa Sắc chứng được sáu phép thần thông trở thành bậc A-La-Hán giải thoát. Tỳ kheo ni Liên Hoa Sắc thường ở trước mặt người tại gia và các cư sĩ nữ tán thán việc xuất gia. Thầy nói với các phụ nữ rằng:

- Này các chị em! Mọi người có thể đến chỗ ta để xuất gia

Các chị em liền nói rằng:

- Chúng tôi còn trẻ trung, hình dáng đoan trang, diễm lệ, xuất gia thì phải trì giới mà chúng tôi không có khả năng trì giới, có thể phạm giới, phá giới, làm sao mà dám xuất gia được?

Tỳ kheo ni Liên Hoa Sắc liền nói rằng:





- *Phá giới thì cứ phá, chỉ cần chị em xuất gia không cần phải nghĩ nhiều.*

Các chị em liền nói:

- *Sao Thầy lại có thể nói như vậy? Nếu mà phá giới thì phải đọa xuống địa ngục chịu khổ. Vì thế làm sao dám phá giới được?*

Tỳ Kheo ni Liên Hoa Sắc liền nói:

- *Nếu đọa địa ngục thì cứ để cho nó đọa.*

Các chị em liền ôm nhau cười nói rằng:

- *Não của thầy phải chăng là có vấn đề? Nếu đọa địa ngục thì phải chịu sự khổ đau cùng tột làm sao chúng tôi dám đọa vào địa ngục được? Chúng tôi sợ lắm!*

Tỳ kheo ni Liên Hoa Sắc liền nói:

- *Ta nhớ về đời quá khứ có một kiếp Ta từng là người con gái xướng hát diễn kịch để kiếm sống cho qua ngày. Tùy theo từng nhân vật của mỗi vai diễn không giống nhau mà mặc các loại y phục khác nhau. Ta cũng từng mặc qua y phục của Tỳ Kheo ni để diễn kịch. Do nhân duyên đó, khi ta được gặp đức Phật Ca Diếp liền theo Phật xuất gia, làm Tỳ Kheo ni. Nhưng lúc đó, Ta tự cảm thấy dung mạo của Ta so với người khác*





CÔNG ĐỨC CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

đoan trang, diễm lệ hơn nhiều, liền sinh lòng kiêu mạn, không cần trọng tu trì giới luật, phá đi giới căn bản của người xuất gia. Kết quả là sau khi mệnh chung liền bị đọa vào địa ngục, chịu hết tất cả các hình thức khổ cực. Đợi khi chịu hết tội báo trong địa ngục, cho đến đời này sinh ra được làm thân người, khi nhân duyên thành thực đến chỗ đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Đó là vì do nhân duyên của Ta đã gieo trồng từ kiếp trước nên khi gặp Phật Ta liền theo Phật, phát nguyện xuất gia, chứng được quả vị vô lậu giải thoát trở thành A-La-Hán.

Vì thế, Ta mới nói với mọi người là nên xuất gia, không phải lo sợ xuất gia mà phạm giới, phá giới. Nếu không may phá đi giới thể của người xuất gia, tuy nhiên là phải đọa lạc, chịu mọi nỗi thống khổ nhưng các vị hãy xem, Ta chính là một ví dụ để các vị coi vậy. Tuy là phá giới, bị đọa lạc nhưng một khi chịu hết tội khổ trong địa ngục được sinh ra làm người vẫn có thể chứng được quả vị A-La-Hán, giải thoát sinh tử, đoạn trừ hết tất cả phiền não, không còn bị luân hồi sáu ngã. Nếu như lúc đó, nếu ta sợ





xuất gia mà phạm giới, sợ đọa lạc vào nơi ác đạo không dám xuất gia thì đã chẳng có ngày hôm nay trở thành một Tỳ Kheo ni Liên Hoa Sắc chứng được quả vị vô lậu giải thoát.

Qua lời của Tỳ kheo ni Liên Hoa Sắc đủ cho chúng ta nhận biết được lợi ích của việc xuất gia tu hành. Đối với người có tâm muốn xuất gia mà lo lắng sau khi xuất gia tu hành tu không tốt, trì giới không nghiêm, đối với những người do dự, không quyết định được nên hay không nên xuất gia thì câu chuyện trên đủ để cho họ nương theo học hỏi.

Nhân đây, có thể nói rằng: nếu hiểu một cách sâu xa, không kể là sau khi xuất gia thế nào đi nữa thì xuất gia vẫn có ích cho bản thân. Như vậy thì chúng ta còn do dự gì nữa!

Đương nhiên cũng không thể nói, sau khi xuất gia thì không cần lo lắng sẽ phạm giới và có thể bị đọa vào địa ngục mà nên hiểu rằng: nếu chẳng may, sau khi xuất gia mà phạm giới và bị đọa vào địa ngục, chịu các nỗi thống khổ thì cái công dụng của việc xuất gia vẫn còn tồn tại. Cũng ví như Thầy Tỳ kheo ni Liên Hoa Sắc.





CÔNG ĐỨC CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Công dụng của việc xuất gia lớn lao như vậy nên không thể nói do phạm giới mà mất hết những lợi ích. Cho nên, Đức Phật có nhiều phương tiện tùy duyên cho người xuất gia.

Ví dụ:

Một hôm, khi đức Phật ngụ tại tịnh xá Kỳ Hoàn, có một người Bà La Môn uống rượu say đi đến chỗ Phật, ngược mắt lơ đãng nhìn Phật mà nói với đức Phật rằng:

- Con muốn xuất gia làm Tỳ kheo.

Đức Phật liền gọi ngài A-Nan vì người Bà La Môn say kia mà thế độ, lại cho mặc pháp phục của người tu sĩ.

Trải qua mấy tiếng đồng hồ, người Bà La Môn tỉnh rượu, sờ lên thấy cái đầu trọc của mình, thân thì khoác pháp phục trở thành một người xuất gia. Người Bà La Môn giật nảy mình, nháy một cái, lập tức cởi bỏ pháp phục chạy mất tăm.

Chúng đệ tử của Phật liền sinh lòng nghi ngờ và nói với nhau:

Đức Thế Tôn! Sao Ngài lại có thể làm việc một cách vội vã như vậy? Một người uống rượu





say muốn xuất gia liền cho người ta lập tức xuất gia. Sau khi anh ta tỉnh, liền chạy mất rồi! Chúng ta phải đi bạch Phật mới được.

Họ liền đến thỉnh giáo Đức Phật và bạch Phật rằng:

- Lạy Đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Ngài lại cho một Bà La Môn uống rượu say xuất gia vậy?

Đức Phật liền nói rằng:

- Các con hãy lắng nghe: Người Ba La Môn này trong vô lượng kiếp về đời quá khứ chưa từng có một chút mây may tâm niệm xuất gia. Thật là khó! Ngày hôm nay, khi anh ta uống rượu say liền khởi tâm muốn xuất gia. Vì thế mà Ta lập tức thế độ và giúp anh ta xuất gia, gieo trồng hạt nhân xuất thế. Nhờ có nhân lành của lần xuất gia này thì sau này, khi nhân duyên thành thực, anh ta lại xuất gia cho đến ngày chứng quả vị.

Mới nghe qua thì thấy việc làm của Đức Phật có vẻ rất vội vàng, nhưng thực ra nó ẩn chứa dụng ý sâu xa của Ngài. Chỉ cần một lần xuất gia là trồng được hạt nhân giải thoát. Nếu





không xuất gia, không có tâm niệm xuất trần thì con đường giải thoát xa vời, không biết đến ngày nào mới thoát khỏi sinh tử luân hồi.

Công đức xuất gia thật là to lớn. Nếu có ý chí giải thoát sự khổ, không muốn lưu lạc trong ba cõi sáu ngã, lặn hụp trong biển sinh tử luân hồi thì làm sao lại không xuất gia? Còn do dự gì nữa?

1. 4 - XUẤT GIA LÀ TÔN QUÝ

Người xuất gia ở trong Phật giáo, trừ bản thân tu hạnh giác ngộ, gieo trồng hạt giống giải thoát còn có đủ công năng, tác dụng trụ trì Phật Pháp, hoằng dương Phật Pháp mà cũng là một ngôi quý báu ở trong Tam Bảo: Phật - Pháp - Tăng .

Người xuất gia làm Tăng, thân phận thật đáng tôn quý vậy. Trong giới luật của Phật, có quy định về người xuất gia là không được lễ bái quốc vương, phụ mẫu, lục thân quyến thuộc, lại cũng không được kính lễ quý thần nơi miếu mạo. Đối với các cư sĩ tại gia, người





xuất gia nhất định không được lễ bái (muốn biết rộng hơn mời xem trong KINH PHẠM VĨNG, KINH NIẾT BÀN và LUẬT TỨ PHẬN).

Vì sao Đức Phật lại chế luật người xuất gia không được kính lễ hàng bạch y (*bạch y là chỉ người cư sĩ tại gia*)?

Đây tuyệt đối không phải là đặc quyền, hay làm hiển lộ thân phận của người xuất gia. Nếu dùng đến trí tuệ, lý tính của Đức Phật thì Ngài không có tạo tác mà chế ra như vậy. Bởi vì phúc đức của người xuất gia cao hơn người bạch y cư sĩ rất nhiều. Nếu để người xuất gia lễ kính thì sẽ làm tổn hại phúc thọ của người tại gia.

Trong THUẬN CHÍNH LÝ LUẬN có nói:

Chư thiên và chúng quỷ thần không dám mong cầu người thụ giới kính lễ, lại càng không dám mong cầu Tỳ kheo tác lễ vì sợ tổn phúc đức và thọ mệnh vậy.

Chúng ta thử nghĩ, nếu xem phúc đức của thiên thần còn cao hơn con người chúng ta rất nhiều mà họ còn không dám đón nhận các vị





CÔNG ĐỨC CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Tỳ Kheo đỉnh lễ, cũng không dám nhận sự tác lễ của hàng cư sĩ tại gia đã thụ qua ngũ giới.

Kẻ phàm phu cư sĩ tại gia dù có phúc đức lớn bằng nhường nào đi nữa mà dám thụ nhận của người xuất gia lễ bái ư?

Trong LUẬT TỨ PHẬN có ghi chép một câu chuyện:

Tân Đầu Lư tôn giả là một vị A-La Hán vô lậu giải thoát rất nổi tiếng, Ngài vốn là một vị đại thần của một quốc gia sau đó mới xuất gia, vượt ra ba cõi được người đời hết sức tôn sùng. Ưu Điền Đại Vương là vị vua lúc đương thời. Mỗi khi vua ngự giá đến chùa lễ bái, thụ giáo học đạo nơi Ngài thì Tôn Giả chỉ có ngồi, không đứng dậy nghênh tiếp quốc vương.

Một lần, sau khi đến chùa lễ Phật hồi đạo xong, trên đường ra về, có một vị đại thần tùy tùng theo quốc vương nhìn không vừa mắt liền tâu với quốc vương rằng:

- Kính thưa bệ hạ! Thầy Tân Đầu Lư thật là không kính trọng ngài chút nào. Ví như... nói lên một loạt chuyện xấu cho quốc vương nghe. Sau khi nghe xong, tâm quốc vương liền lay





động, dự tính nếu lần sau đến chùa lễ Phật mà Thầy Tân Đầu Lư không đứng dậy nghênh đón, sẽ kết tội xử trảm.

Lần sau, quốc vương lại đến chùa lễ Phật hỏi đạo, khi vừa bước tới cổng lớn nhà vua nhìn thấy Tôn giả Tân Đầu Lư, ngay lúc đó, Tôn giả đứng dậy đi về phía trước nghênh tiếp, tổng cộng bước đi bảy bước. Quốc vương nhìn thấy vậy liền hết sức tức giận nói rằng:

- Ngày trước mỗi khi ta đến, người động cũng không động, hôm nay có sao mà lại xuống tòa nghênh tiếp ta?

Tôn giả Tân Đầu Lư liền thưa với quốc vương:

- Ngày trước Quốc vương đến đây mang theo một tâm lòng thành hướng thiện vì thế mà tôi không cần ngồi dậy đón tiếp ngài. Còn hôm nay thì lại khác, ngài mang theo tâm niệm ác đến. Nếu tôi không đứng dậy đón tiếp quốc vương, sợ rằng sẽ bị ngài giết hại.

Ưu Điền quốc vương nghe xong giật nảy mình mà than rằng:

- Lành thay! Đệ tử thật là ngu si, vì nghe





người khác xiêm nịnh nên không phân biệt được đâu là phàm phu, ai là hiền thánh, nhằm một chút là tạo thành tội lỗi.

Tôn giả Tân Đầu Lư liền nói:

- Quốc vương xin ngài phát lộ sám hối mới tránh được tội báo phải vào địa ngục chịu mọi thống khổ. Nhưng ngài cũng không tránh khỏi nghiệp báo. Bởi vì ta khởi thân đứng dậy nghênh đón quốc vương mà lại bước đi bầy bước nên phúc đức ngài sẽ giảm tổn. Bảy ngày sau, quốc vương sẽ mất ngôi báu, chịu đựng sự thống khổ hơn mười năm.

Quả nhiên bảy ngày sau, nước láng giềng dẫn binh đến đánh úp, quốc vương Ưu Điền bị đánh bại và bắt sống ngay tại trận, đeo gông cùm là kẻ tội nhân, trải qua hơn mười năm sau mới được tự do.

Từ câu chuyện này, phải chăng đem đến những khai thị cho một số tín đồ Phật giáo. Có những người cư sĩ tại gia khi đến chùa chiền, tịnh thất, tịnh xá, thiền viện thường để ý xem Sư phụ ở đó hay không, các thầy đối đãi với họ có tốt không? Có nhiệt tình mời mọc chiêu đãi





họ không? Nếu tốt thì họ sẽ cúng dường bố thí v.v... Không đáp ứng được nhu cầu của họ thì lần sau họ sẽ không đến nữa và tự nghĩ bản thân họ rất tôn quý. Người xuất gia là do họ bố thí cúng dường mới tồn tại, nếu không có họ thì người xuất gia lấy đâu mà sinh sống.

Bây giờ tôi xin kể một câu chuyện cho quý vị nghe:

Chuyện rằng ở một ngôi chùa nọ, sắp đến ngày giỗ tổ, tín đồ các nơi nô nức chuẩn bị về tham dự. Có một nữ tín đồ bình thường bán hàng nước ở vỉa hè để kiếm sống, lòng rất tin Phật, dành dụm được chút tiền để chờ đến ngày đó đem lên cúng dường sư trụ trì. Lễ Phật xong, vị thí chủ đi tìm gặp sư trụ trì nhưng hôm đó rất đông người, ai cũng muốn gặp nên sư trụ trì không đủ thời gian để tiếp đón, chào hỏi, mà chỉ gật đầu mỉm cười. Bây giờ vị nữ tín đồ đó thấy sư phụ không niềm nở tiếp đón hỏi han mình, liền nghĩ bụng rằng thôi không cúng dàng nữa, sau khi dùng cơm xong rồi đi về thẳng.

Chúng ta thử nghĩ, vị nữ tín đồ đó đem tiền để mua lời nói, mua nụ cười của sư phụ, chứ





CÔNG ĐỨC CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

không phải vì Phật, vì gieo trồng ruộng phúc, vì con đường giải thoát cho bản thân. Thật đáng để cho chúng ta suy xét.

Đó là một niệm sai lầm, không những không được lợi ích của Phật Pháp mà ngược lại tự tổn hại đến phúc đức của chính bản thân. Thật là người vô minh một cách cùng tột.

1.5 - CÔNG ĐỨC XUẤT GIA KHÔNG THỂ SÁNH LƯỜNG

Ngoài ra, còn một số Phật tử cư sĩ tại gia có một số quan niệm sai lầm, họ nhận thấy người tu sĩ xả tục xuất gia theo đạo, có chí khí xuất trần cứu độ chúng sinh nhưng đó là việc làm của các vị. Nếu người xuất gia không đáng để cho ta tôn kính thì ta không tôn kính, còn người xứng đáng để ta tôn kính thì ta mới qui y theo Thầy đó học đạo.

Những ý nghĩ đó của họ thật không đúng. Người xuất gia trong Phật Pháp bất luận như thế nào đi nữa thì họ cũng đáng để cho chúng ta tôn kính, phụng sự cúng dường. Vì thế mà





chúng ta phải kính trọng, không được đê ý, xem xét, so đo những việc tu hành, hoằng pháp, giới đức của họ v.v... mà phải đê ý đến thân phận của họ. Bởi cái thân phận này mà cuối cùng họ đạt được quả vị giác ngộ giải thoát.

Trong KINH ĐẠI TẬP, Đức Phật nói rằng:

Hết thấy chúng sinh, trong đời hiện tại hay đời vị lai đều phải có lòng tin sâu rộng đối với Phật - Pháp - Tăng - Tam Bảo. Bởi chúng sinh trong cõi nhân thiên thường được hưởng những quả báo thù thắng vi diệu. Nếu như có người theo đó cúng dường hay nương theo Thầy để xuất gia học đạo, hoặc như có người nương theo xuất gia mà không thụ giới hay cúng dường thì những người như thế đều được công đức cho đến thành Vô úy.

Vì nhân duyên đó mà Như Lai mới nói:

Nếu có người nào nương theo Như Lai để xuất gia, lại không trì cấm giới, tuy rằng cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, người như vậy, nếu chúng ta làm các việc phi pháp, hại đến người đó thì cũng như phá hoại Pháp thân - Báo thân của tam thể chư Phật, sau khi mất đi phải chịu báo





ứng ở trong ba đường ác.

Cho nên Đức Phật nói rằng:

Nếu có chúng sinh nương theo Phật để xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa mà không trì giới thì người đó cũng vì bản thân mình đạo Niết Bàn in một dấu ấn. Nếu dùng các việc phi pháp, não loạn chửi bới, hủy nhục, hay là dùng dao, gậy, trói buộc, chém giết, cướp giết y bát v.v... các đồ dùng hàng ngày của người xuất gia thì kẻ đó đã phá hoại Báo Thân chân thực của tam thế chư Phật, chạy ra khỏi con mắt của Trời, người, làm mất đi hạt giống chính Pháp của chư Phật, khiến cho Trời, người và hết thảy chúng sinh đều không được lợi ích, làm tăng thêm kẻ ác ở trong ba đường.

Đoạn kinh văn này nói rất rõ hết thảy chúng sinh nương theo Phật Pháp xuất gia đều nên gần gũi cúng dường lễ kính. Nếu họ tuy có xuất gia lại không thụ giới, hay người phạm giới thì cũng như nhau vậy. Chúng ta nên nhất loạt tâm không phân biệt, thân cận cúng dường lễ kính phụng sự. Vì họ có nhân duyên xuất gia, tuy rằng trước mắt có phạm sai lầm, tất phải





chịu quả báo, nhưng ở đời tương lai sẽ chứng được quả vị Niết Bàn, thành vị Đạo Sư của Trời, người. Về điểm này, người cư sĩ tại gia làm sao mà so bì được.

Ngay đến cả người xuất gia mà không thọ giới, hay thọ giới rồi lại phạm phải cấm giới đều nên lễ kính, gần gũi cúng dường, ngược lại nếu mà những người xuất gia nghiêm trì giới luật thì làm sao chúng ta lại không tôn kính?

Vì thế ở quyển mười chín, trong PHÁP UYÊN CHÂU LÂM có nói:

Người cư sĩ tại gia khi nhìn thấy các vị Tăng ni thì không được công cao kiêu mạn, nếu mà không như vậy thì chỉ sợ rằng làm tổn hại đến công đức của họ ở đời vị lai.

Thỉnh thoảng chúng tôi có gặp một số người, cho dù họ chỉ có một chút thân phận địa vị nhưng lại không sinh lòng tín ngưỡng, quy kính đối với Tăng Bảo, tâm cao ngạo mạn, lại dùng nhiều hình thức ô nhục chửi mắng Tăng ni. Kỳ thực đó là những hành vi làm bại hoại thiện căn một cách cùng tột, tự mình tạo nên





nghiệp ác sâu dày. Nhân vô thập toàn người xuất gia cũng có lúc phạm phải sai lầm, phải dùng lý lẽ thuyết phục, chứ không được dùng các hình thức khác làm ô nhục.

Người xuất gia và kẻ phạm phu cùng giống nhau là đều ở trong tam giới, nếu chưa nhập vào hàng Thánh, ai chẳng có sai lầm. Chỉ cần có người xuất gia, tuy rằng ngay đời hiện tại, họ không thực tu đạo hạnh nhưng vì hình dáng bên ngoài của họ biểu hiện hình tướng của người xuất gia, mang dáng xuất trần khiến cho người khác khi nhìn thấy cảm nhận được bóng dáng thanh tịnh thoát tục của người xuất gia, giúp cho họ sinh lòng cảm mến thì vô hình dung những hình dáng đó đã khiến cho người và Phật kết nên duyên lành.

Nếu Tăng ni có phạm sai lầm phá hủy giới cấm nhưng những người đó có thể thăng tòa thuyết Pháp, lợi ích quần sinh khiến cho nhiều người biết được Phật Pháp, luân chuyển giáo hóa, học hỏi tu tập, làm cho Phật Pháp cửu trụ tại thế gian. Lại khiến cho chúng sinh tu nhỏ thì được quả báo ở cõi nhân thiên, lớn thì





chúng được ngôi cao giải thoát. Ví như một ngọn đèn đốt cháy trăm ngàn ngọn đèn làm ánh sáng quang minh của Phật Pháp không bao giờ đoạn diệt. Vậy chúng ta tự hãy tự hỏi lòng mình, ánh sáng quang minh từ đâu mà đến? Nếu không thể nói đó là từ những vị Tăng ni phá giới mà đến.

Nhân đó mà nói rằng, các vị Tăng ni tuy có phạm sai lầm nhưng chúng ta thử nghĩ một chút, họ lại có những hành vi cao thượng làm lợi ích đến quảng đại vô biên chúng sinh. Công dụng và phúc đức của họ thì hàng phàm phu làm sao mà sánh kịp. Do đó chửi bới, nhục mạ Tăng ni thì không những không có lợi ích cho bản thân mà đối với mọi người cũng gây trồng nhân ác, làm tăng trưởng tội nghiệp cho chính mình, lại phải cảm thọ quả báo ở đời vị lai.

Làm sao chúng ta có thể nói, các vị Tăng ni phạm giới, phá giới mà còn để cho chúng ta kính lễ tôn trọng, cúng dường hộ trì cho vậy?

Đoạn văn trên đã cho chúng ta hiểu rõ cũng không phải như người thế tục thường nói là bao che, bao biện... nhưng chúng ta phải nhìn





đến những công dụng của các vị xuất gia đem lại lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh, đến đời vị lai họ có thể chứng được đạo quả giải thoát.

Cho nên trong KINH TÁT THỨ NI KIỀN, Đức Phật có nói:

Nếu có Sa Môn mặc áo cà sa hoặc trì giới hay là phá giới mà người nào dùng các hình thức đánh đập, trói buộc giam cầm tù ngục hay bắt hoàn tục, hoặc lấy thân mệnh thì người đó phạm phải các trọng tội căn bản, đến khi chết đọa vào trong địa ngục Vô Gián chịu các thống khổ.

Trong Kinh đại tập cũng có một đoạn ghi rằng:

Có một vị trời tên là Đại Phạm Thiên Vương đến chỗ Phật ngự mà bạch Phật rằng:

- Nếu có người nào nương theo Phật Pháp xuất gia, thân mặc áo cà sa, lại không thọ trì giới luật của người xuất gia, hay là có thọ nhưng sau đó lại phạm vào các giới cấm, lúc đó quốc vương bèn đem người Sa môn phạm giới kia đánh mắng trị tội. Bạch Đức Thế Tôn! Vị quốc vương kia có phạm tội hay không? Nếu nói





có tội thì sau này phải chịu tội báo như thế nào?

Đức Phật nói rằng:

- Nay Đại Phạm Thiên Vương! Trước tiên Như Lai dùng một ví dụ để giải đáp lời ông hỏi. Ví như có người làm tổn thương đến vạn ức Đức Phật khiến cho thân Phật chảy máu thì ý ông nghĩ như thế nào? Tội lỗi của người kia có lớn hay không?

Đại Phạm Thiên Vương liền bạch rằng :

- Bạch Đức Thế Tôn! Chỉ cần có người làm thương hại đến một thân thể Đức Phật làm cho thân Phật chảy máu thì người đó đã chịu vô lượng vô biên tội khổ không có con số nào có thể tính được cái tội khổ đó nặng là bao nhiêu. Sau khi chết phải đày vào A-tỳ đại địa ngục, chịu vô lượng vô biên thống khổ. Nếu quả thật có người làm tổn thương đến vạn vạn Đức Phật, làm thân Phật chảy máu, tội lớn như thế, thực ra không có người nào có thể nói được tội nghiệp của người đó là bao nhiêu? Lại cũng không thể nói rõ người đó phải chịu nghiệp báo như thế nào? Chỉ khi đức Phật Như Lai vì chúng ta mà giải bày chỉ bảo.





Đức Phật liền nói rằng:

Này Đại Phạm Thiên Vương! Nếu như có người đánh mắng, chửi rủa nhục mạ làm tổn thương đến người xuất gia nương theo Phật mặc áo cà sa, không biết là người đó có thụ giới hay không thụ giới, thụ giới xong rồi lại phạm giới thì người đó phải chịu tội báo còn nặng hơn người làm thương hại đến vạn ức thân Phật.

Làm sao Như Lai lại nói như vậy? Bởi vì những vị Tăng ni xuất gia này không biết là họ có phạm tội lỗi gì nhưng mà họ vẫn còn vì hết thấy chúng sinh cõi Trời, cõi người mở bày thị hiện con đường dẫn đến đạo Niết Bàn giải thoát khiến cho chúng sinh cõi Trời, cõi người, đối với Tam Bảo sinh lòng quy kính, công đức và diệu dụng còn thù thắng hơn cả chín năm đồ chúng ngoại đạo, thắng hơn hết thấy những người cư sĩ tại gia thế tục, trừ những người ở thế gian tu hành mà có thành tựu. Vì thế, hết thấy Trời người đều nên cung kính, cúng dường.

Qua đó chúng ta đủ thấy, những vị Tăng ni tuy có tội lỗi mà cái công đức diệu dụng của họ, còn đủ làm lợi ích cho chúng sinh trong cõi





Trời, cõi người, thì chúng ta không được làm thương hại đến họ. Huống chi là các bậc chân chính tu hành đạo cao đức trọng, nghiêm trì giới luật, ba nghiệp thanh tịnh thì làm sao có thể làm thương hại đến họ được?

Thân làm quốc vương hay chúng quần thần, nếu nhìn thấy các vị xuất gia Tăng ni trong Phật giáo làm các tội nghiệp lớn, ví như sát sinh, trộm cắp, ô nhiễm phạm hạnh, đại vọng ngữ và các hành vi không lành mạnh khác thì chỉ có thể đuổi ra khỏi nước, không cho họ ở trong chùa sinh hoạt cùng chư Tăng, chứ không được đánh đập, chửi rủa, nhục mạ người xuất gia tu hành. Nếu không, những vị quốc vương, đại thần đó sẽ mất đi hạt giống giải thoát, tự mình gieo nhân ác trong ba đường, xa lìa hết thảy các con đường lành ở cõi nhân thiên, sau khi mệnh chung ắt đọa vào địa ngục A-tỳ chịu các thống khổ không có kỳ hạn. Hơn nữa, nếu làm tổn thương đến người xuất gia chân tu thực học, nghiêm trì giới luật thì tội lỗi của người đó nặng biết nhường nào?

Chúng ta cũng biết, tố chất căn cơ trình độ





của người xuất gia không đồng đều. Vì thế trong Kinh, Đức Phật đem các vị Tăng ni phân thành nhiều hạng.

Ví như trong quyển 2 của KINH ĐẠI THỪA BẢN SINH TÂM ĐỊA QUÁN có ghi rằng:

Đức Phật nói với chúng đệ tử:

- Tăng ni trong thế gian và xuất thế gian được chia làm ba loại:

- 1. Bồ Tát tăng.*
- 2. Thanh Văn tăng.*
- 3. Phàm phu tăng.*

Các ngài như Văn Thù, Di Lặc... là các vị

Bồ Tát tăng, ngài Xá Lợi Phất, ngài Mục Kiền Liên... là các vị Thanh Văn tăng, hạng thứ ba là những Tăng ni tuy chưa chứng được đạo vô lậu giải thoát nhưng có đầy đủ chính tri kiến, lại có thể vì người mà diễn thuyết giải bày Phật Pháp, làm lợi ích cho chúng sinh trong cõi Trời, người. Những vị đó gọi là phàm phu tăng.

Ngoài ba bậc Tăng nói trên, còn có Phúc Điền tăng, đây là chỉ đại đa số chúng xuất gia tuy rằng biết về Phật Pháp không nhiều, lại





cũng không thể thuyết pháp nhưng vì người đó có lòng tin Phật, nhân quả, nghiệp báo, tuy rằng có phạm giới nhưng biết sám hối.

Đức Phật nói rằng: *Cúng dường các bậc Phúc Điền Tăng và cúng dường ba bậc Tăng đã nói ở trên công đức không khác nhau.*

Trong ĐỊA TẠNG THẬP LUẬN có ghi rằng: Có bốn loại Tăng:

1. Đệ nhất Nghĩa tăng,
2. Tịnh tăng,
3. Á Dương tăng,
4. Vô Tàm Quý tăng.

Đệ Nhất Nghĩa tăng chỉ những vị như: Phật, Bồ Tát, các vị Thanh Văn tăng chứng từ quả thứ tư trở lên.

Tịnh tăng là chỉ các vị nghiêm trì giới luật thanh tịnh.

Không biết mình phạm hay không phạm giới, không biết gần gũi, thân cận bậc thiện trí thức, không rõ ràng minh bạch được nghĩa lý của Pháp gọi là Á Dương Tăng.

Người mà không có động cơ chính đáng đến đầu Phật xuất gia, hay làm hủy hoại đến





giới luật, hoặc phá hòa hợp tăng, không sợ tội báo nhân quả đời sau, buông lung, phóng túng dâm dật, mê đắm ngũ dục, gọi là Vô Tâm Quý Tăng.

Nhưng dù các vị Tăng ni xuất gia chệch lệch sai khác không đồng đều thì Đức Phật cũng không muốn người cư sĩ tại gia khởi tâm phân biệt. Ngài chỉ mong hãy nể mặt Đức Phật Như Lai, nể mặt Đại Đức chúng Tăng mà không làm tổn hại đến bọn họ .

Trong KINH ĐỊA TẠNG THẬP LUẬN có ghi một đoạn Đức Phật nói với Đại Phạm Thiên Vương như sau:

- Nay Đại Phạm Thiên Vương! Nếu có người nương theo giáo pháp của ta mà xuất gia lại phạm giới, làm các việc ác, bên trong thì hủ bại, luôn bị các phiền não quấy nhiễu xâm hại v.v... các vị Tỳ kheo như thế tuy rằng phá cấm giới, làm các việc ác nhưng họ cũng vì hết thầy Trời, người, rồng, nhân, thiên làm thiện tri thức, chỉ bày đường đạo cho vô lượng hữu tình , công đức của những vị đó thật khôn lường không thể sánh bằng.





Các vị Tỳ kheo như thế, tuy không phải là pháp khí, long tượng của đức Như Lai nhưng người đó cạo bỏ râu tóc, thân mặc cà sa, đi đứng oai nghi giống như hiền Thánh. Nếu nhìn thấy các vị đó thì hết thấy thiện căn của vô lượng hữu tình đều được sinh trưởng, họ lại có thể khai thị chỉ bày cho vô lượng chúng sinh hướng về đường lành sinh lên cõi Trời và con đường chính dẫn đến Niết Bàn.

Cho nên người nương theo giáo Pháp của ta mà xuất gia, nếu trì giới hoặc phá giới, thậm chí là không có giới, Như Lai cũng không đồng ý cho Chuyển Luân Thánh Vương. Quốc vương và các quan đại thần y theo pháp luật thế gian đánh đập, tra khảo thân thể người kia, hay dùng lao ngục giam cầm, hoặc dùng cực hình phân cắt cơ thể đoạn mất mệnh sống của người kia, huống nữa là dùng đến phi pháp để trị ư?

- Nay Đại Phạm Thiên Vương! Nếu các vị Tỳ kheo phá giới, làm các việc ác, tuy rằng ở trong pháp giới Tỳ Lại Gia của ta thì chỉ gọi là xác chết thôi, còn những người xuất gia giới đức hơn người có thể làm lợi ích cho vô lượng vô





biên hữu tình.

Cho nên Đại Phạm Thiên Vương! Các vị Tỳ kheo phá giới hành ác hạnh thì ta cũng khuyên hết thầy hàng bạch y, cư sĩ đều nên bảo hộ, cung kính cúng dường. Ta không đồng ý cho người tại gia đánh đập, tra khảo người xuất gia kia. Ta chỉ đồng ý cho chúng thanh tịnh đến ngày Bồ Tát hoặc khi Tự Tứ thì làm phép đuổi ra khỏi chúng, hết thầy các vật mà thí chủ cúng dàng chư Tăng như: ẩm thực, đồ dùng, vật dụng... đều không cho thụ dụng, tất cả các việc trong Tỳ Lại Gia, trong pháp Sa Môn đều xuất trừ, không được ở chung. Ta cũng không đồng ý cho đánh đập, trói buộc, lấy đi mạng sống của người kia.

Trong KINH ĐỊA TẠNG THẬP LUẬN, đức Phật vì sự việc này mà nói một câu chuyện:

Trong kiếp quá khứ, có một vị quốc vương tên là Phúc Đức. Trong nước của nhà vua nếu có ai phạm tội bị xử tử, thì dùng cách xử là đem vát vào chỗ voi say để tự voi say giẫm xéo, giày vò tội nhân cho đến khi chết.

Một lần, có một vị Tỳ kheo xuất gia phạm





phép nước, vua liền ra lệnh đem vị Tỳ kheo này quăng vào chỗ voi say. Khi đem vị Tỳ kheo vất vào, voi say liền xông lên trực giờ chân giẫm đạp. Nhưng khi cúi đầu nhìn thấy trước mắt voi là một vị Tỳ kheo thân mặc áo vàng, voi bèn lập tức rút chân lại không dám làm thương hại đến vị Tỳ kheo. Nó liền ngồi ngay trước mặt vị Tỳ kheo rồi dùng vòi liếm chân vị Tỳ Kheo này, đáng vẻ hiền từ âu yếm.

Đức Phật nói rằng:

Này chúng đệ tử! voi là loài súc sinh mà khi nhìn thấy một vị Tỳ kheo thân mặc áo vàng, nó còn có thể ngăn chặn tâm ác, không dám làm hại đến vị Tỳ kheo. Loài người chẳng lẽ lại không bằng loài súc sinh ư? Vì thế không kể là thời nay hay ở đời vị lai, cũng không kể là quốc vương hay bách tính, nếu có các vị Tăng ni nương theo Pháp của Ta mà xuất gia, không biết người đó tốt xấu như thế nào, chỉ cần làm tổn hại đến người đó thì ta nói người làm nào hại tổn thương đến người xuất gia, sau khi mạng chung, ắt phải đọa vào địa ngục A-Tỳ chịu khổ.

Qua câu chuyện này, đối với một số người





thích phán xét điều hay việc dở, nói cái đúng cái sai của người xuất gia, “bói lông tìm vết” đối với người xuất gia thì cũng đủ khiến họ cảnh tỉnh. Loài súc sinh khi nhìn thấy người xuất gia mà còn sinh khởi lòng từ bi, hướng chi là con người đối với các vị Tăng ni xuất gia khởi lên lòng ác, dèm pha trách móc, nói chuyện phải trái ư? Bất luận là người xuất gia dù như thế nào, nếu lấy thân phận của người tại gia mà nói, dù nói phải, nói trái đều là không đúng.

Trong KINH ĐẠI TẬP, Đức Phật nói kệ rằng:

*Cạo tóc mặc cà sa, trì giới và phá giới
Trời, người nên cúng dường, thường khiến
không thiếu thốn
Nếu như cúng dường họ, ấy là cúng ta vậy
Nếu người luôn kính Pháp, quy y rồi cạo tóc
Thân mặc áo cà sa, ta nói là con ta
Nếu như phá cấm giới hay ở ngôi bất thoái
Dùng côn gậy đánh người, ấy là đánh ta vậy
Nếu chỉ mắng người kia như chỉ ta không
khác.*





Do đó, nếu đã là tín đồ của Phật giáo nên tự mình cảnh tỉnh, xét đoán hành vi của mình đã cung kính Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo chưa? Đừng nên tạo khẩu nghiệp, ý nghiệp, đó chính là điển phạm tu hành chân chính của chúng ta.

Trong THẬP TỤNG LUẬT, Đức Phật cũng có bài kệ rằng:

*Nếu người không kính Phật hay đệ tử của Ngài
Hiện tại người chửi mắng, chết đi đọa địa ngục
Nếu người biết kính Phật cùng chúng đệ tử
Ngài,
Hiện tại người tán thán, sau sẽ sinh lên Trời.*

LỜI SAU

Dẫn chứng rất nhiều lời Kinh tán thán Tăng ni xuất gia, phải chăng có người nghĩ rằng: như thế là biện bạch, bảo vệ người xuất gia?

Đặc biệt là từ kim khẩu của đức Phật nói ra, không biết người xuất gia tốt - xấu như thế nào?

Người cư sĩ Phật tử tại gia đều phải dùng





CÔNG ĐỨC CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

tâm bình đẳng, cung kính cúng dường mà không cần phải để ý hay hoài nghi rằng: phải chăng Tăng chúng không tu hành, không trì giới v.v...?

Kì thực dù ở bất cứ một đoàn thể nào đều có một số phần tử chưa tốt thì ở trong Tăng đoàn cũng không ngoài thông lệ đó. Nhưng ở những ví dụ trên đã nói rất rõ, tất nhiên người xấu chỉ là số ít, còn đại đa số chúng Tăng, nếu tính không phải Thánh Tăng, không hoàn toàn trì hết các giới một cách cứu kính thanh tịnh thì họ cũng đều là các bậc thiện lương vậy.

Trong Kinh, Đức Phật có nói đến chúng sinh ở cõi Sa Bà bản tính cương cường, thiện căn rất mỏng mà nhìn thấy đại đa số tín đồ Phật Giáo đời nay thì quả nhiên cảm thấy đúng thực như lời Đức Phật nói vậy. Chúng tôi dẫn chứng rất nhiều về những lời tán thán công hạnh của người xuất gia chỉ mong mọi người biết được rằng: ngay cả đến những vị xuất gia phạm vào giới cấm thì Đức Phật đều khẳng định xuất gia công đức không tính lường, ở đời vị lai nhất định chúng được chính





quả giải thoát. Trước mắt tuy là có sai lầm tội lỗi nhưng vẫn thẳng hơn tất cả đồ chúng ngoại đạo , hơn tất cả những người tại gia phổ thông. Vì thế mà Đức Phật không đồng ý cho đánh đập, chửi bới, làm thương hại đến những người xuất gia , nữa là các bậc chân chính tu hành đầy đủ chính kiến, chính tri làm sao mà không tôn kính được? Chẳng lẽ phản lại, bài bác, chê bai ư? Như vậy cũng đủ để cho những người cư sĩ tại gia hay xét nét, bình luận phẩm giá người xuất gia lấy đó mà suy nghĩ.

Người cư sĩ tại gia đối với giới luật của Tăng ni thì sự hiểu biết có giới hạn. Đại đa số là dùng thái độ của người thế tục để bình luận việc làm của người xuất gia. Kết quả đúng hay sai thì tự hỏi lòng mình , bản thân mình rõ ràng chưa? Nếu chưa rõ thì chỉ tạo khẩu nghiệp, tự mình tăng trưởng lòng ngu si. Có một câu nói rất hay:

Người có trí tuệ thì luôn chú ý đến khuyết điểm của mình. Người ngu si thì chỉ chú ý đến khuyết điểm của người khác.

Câu nói này thật thấm tháy, đáng để dán





lên chỗ thường nhìn thấy ắt sẽ đem lại lợi ích cho bản thân tu hành của mỗi người.

Đương nhiên, đó chỉ là vấn đề bên ngoài. Lại nói trở lại các vị Tăng ni theo Phật xuất gia được hào quang của chư Phật gia hộ. Chúng ta có thể phát hiện sự thù thắng tôn quý của người xuất gia. Xuất gia tuyệt đối không phải là việc làm giống như một số người không hiểu mục đích tôn chỉ của Phật giáo mà không dám xuất gia, hay không có tâm xuất thế của một số tín đồ Phật giáo muốn trốn chạy hiện thực v.v... Chúng ta cũng không thể không thừa nhận rằng: có một số người xuất gia là như vậy. Đó là lẽ thường tình, làm sao lại không có?

Khi một người nhận thức, thể nhận và giác ngộ được gia đình chính là nơi thống khổ, chất chứa phiền não, họ muốn từ bỏ gia đình, bèn xuất gia sống một đời sống phạm hạnh. Nếu dùng lời nói của người thế tục thì đó không phải là hay lắm sao?

Xin chớ nói trách nhiệm của người tại gia chưa hết thì không nên xuất gia. Đó chính là vấn đề kiến nhân, kiến trí. Chỉ cần người xuất





gia an bài và quyết tâm thì người khác không cần phải bàn xét nhiều. Nếu không thì sao có thể nói trách nhiệm đã xong? Mệnh con người ta vô thường, sớm còn tối mất, biết lúc nào chết? ai mà biết được? Nếu có một người đến lúc sắp chết, mà có thể nói là trách nhiệm của họ đã hết sao? Như vậy, thì sao không nói là đợi trách nhiệm của họ làm xong thì hãy chết? Xin mọi người suy nghĩ cho kĩ.

Người có động cơ xuất gia không chính đáng nhưng khi vào đến cửa Phật chịu sự huấn tập, rèn luyện của Phật Pháp, cuối cùng họ cũng được chính tri kiến, làm mô phạm cho chúng sinh cõi Trời, người.

Ví như thời cận đại, Ngài Thái Hư Đại Sư ở Trung Quốc, nguyên nhân khiến cho Ngài đầu Phật xuất gia bởi Ngài thích phép thần thông của Phật giáo. Vì muốn có thần thông mà Ngài mới xuất gia. Nhưng sau khi xuất gia thâm nhập Phật Pháp, quan niệm của Ngài liền cải biến và trở thành một vị cao Tăng - Thạc đức đương thời.

Vì thế không nên trách xét những vị khi





mới xuất gia có những quan niệm không đúng đắn, đó thực là không phù hợp với tinh thần tông chỉ của Đạo Phật. Phật môn rộng lớn, ví như đại hải, thâm nạp trăm sông, không chê sông nhỏ. Đó không phải là làm hiển bày cái vĩ đại của Phật Pháp ư?

2 - PHẬT PHÁP VÀ THẾ GIAN PHÁP

Con người ai cũng sinh ra rồi mất đi trên thế gian này. Phật Pháp cũng không xa rời thế gian mà đạt đến sự giác ngộ. Tuy nhiên, dù chúng ta xuất gia tu hành cũng phải sinh sống, phát triển, hoằng pháp ở cái thế gian này, chúng ta phải biết được Phật Pháp và thế gian pháp, có sự khác biệt rất lớn. Chúng ta phải nhận thức về những điều khác biệt của Phật Pháp và thế gian pháp .

Phật Pháp và thế gian pháp khác biệt ở chỗ nào ?

Cùng một sự việc, nếu lấy thế gian pháp mà xử lý thì xử lý như thế nào? Mà lấy Phật Pháp để xử lý thì xử lý ra sao?





Nhưng nói Xử lý như thế nào? Thực ra chỉ là một cách nói, đằng sau cách nói đó tất nhiên phải có lý luận, quan niệm, mô hình để nương vào mà xử lý sự việc.

Lý luận của thế gian khi nhìn nhận sự việc chỉ quan tâm cái hình tướng bên ngoài và chỉ cần truy tìm cái tròn đầy mỹ mãn. Ví như: có người thích thể diện, cái thích của họ là hợp với giá trị quan niệm của người thế gian. Nhưng cái nhìn của Phật Pháp thì không như vậy. Lý luận của Phật Pháp cũng không giống thế gian Pháp, vì Phật Pháp luôn luôn nhận thấy con người và thế gian là khổ. Đã nói đời người là khổ thì việc cấp thiết nhất là lìa khổ, hay nói xa lánh cái khổ để tìm cái cứu cánh yên vui. Đó chính là lý luận của Phật Pháp. Tông chỉ của Phật Pháp là chỉ cách cho con người lìa khổ, hướng về con đường giải thoát nhưng phải tự nhiên đối với thế gian, không được chấp trước.

Ở một góc độ khác mà nói thì Phật Pháp không chấp trước những hệ lụy của thế gian như tập tục, quan niệm... mà cũng không cho





CÔNG ĐỨC CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

rằng nếu không như thế này thì không được, không như thế kia cũng không được. Phật Pháp uyển chuyển theo pháp thế gian, chỉ cần dùng phương thức dẫn con người ta có thể lia khổ đến vui. Như thế mới giải trừ nỗi thống khổ của chúng sinh một cách chân chính. Đó chính là pháp thù thắng của Phật Pháp nhưng cũng chính là chỗ khó tiếp nhận của thế gian.

Thế gian chính là nơi chấp trước trời buộc. Người thế gian ai dám nói là mình không chấp trước? Nào là chấp trước tình ái, danh vọng, địa vị, chấp trước thể chế, chế độ, phong tục tập quán, thể diện, tiếng nói, lập luận của họ... những thứ đó tuy rằng mang đến cho con người rất nhiều phiền não, nhưng họ vẫn nhận thấy không như thế không được. Đó chính là chỗ vô minh của người thế gian.

Ở góc độ Phật Pháp mà nói, Phật Pháp không đồng quan điểm đối với một số tập tục của người thế gian. Trong Kinh, Phật nói: *Thế gian điên đảo, chúng sinh điên đảo*. Đối với một số phương pháp tập tục có thể dùng được thì Phật Pháp vẫn không nhất trí mà chỉ cho rằng





đó là cái pháp quyền xảo phương tiện nhất thời, còn những cái mà đem đến phiền não thì chỉ có vứt bỏ mà thôi. Do đó người tín đồ chính tín của Phật Giáo, nếu muốn tu hành, muốn đạt đến mục tiêu giải thoát thì họ phải liả bỏ gia đình , liả bỏ vợ đẹp, con khôn mà xuất gia.

Nếu nói như trên thì nền văn hóa của đất nước ai dám tiếp nhận? Có rất nhiều người nhận thấy rằng: người tu hành ở tại gia cũng giống như người xuất gia, ở tại gia cũng có thể tu được, đúng không? Nếu như thế thì Đức Phật Thích Ca làm sao lại phải thị hiện xuất gia? Lấy thân phận là vương tử và hoàn cảnh ưu việt của Ngài so với bất cứ người nào cũng phương tiện hơn nhiều. Kết quả là Ngài vẫn lựa chọn con đường xuất gia. Ngài rời kinh thành vào lúc nửa đêm , liả bỏ quốc thành , vợ con. Sau khi xuất gia, trải qua mấy năm tầm sư học đạo , nỗ lực tu hành, cuối cùng, Ngài chứng được đạo quả thành ngôi Chính Đẳng - Chính Giác, được người thế gian tôn xưng là Đức Phật.

Qua đó chúng ta nhận thấy Đức Phật lựa





CÔNG ĐỨC CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

chọn con đường xuất gia là đúng đắn. Nếu Ngài không xuất gia, chúng ta làm sao có Phật Pháp lưu truyền đến ngày hôm nay?

Người sống trăm tuổi cũng không tránh được cái chết, sống đã không thoát được khổ thì chết khó mà sung sướng được. Nếu lấy kết cục cuộc sống của một đời người mà xét thì có cái gì đáng để cho chúng ta so đo? Có cái gì mà không xả bỏ được? Hết thấy là do nhân duyên tạm thời hội tụ, nếu đã hiểu rõ về nhân duyên thì không còn chấp trước cái gì là sở hữu của ta nữa.

Người thế gian, lòng tham ái sâu dày không chút giác ngộ, thế mà lại đi tìm đạo giải thoát, thật là không lượng được sức mình, chẳng biết nói với họ sao đây?

Nếu lấy một số điểm mà nói, Phật Pháp và thế gian pháp là hai pháp trái ngược nhau. Người thế gian thì truy tìm, hưởng thụ vật chất của thế gian như: cầu danh, cầu lợi và muốn trung cầu thể diện, còn Phật Pháp thì lìa bỏ danh lợi, vật chất, chỉ cầu no ấm là đủ. Cái trọng yếu nhất của người thế gian đó chính là





nhà cửa, Phật Pháp thì không cần nhà, mà xuất ra khỏi nhà, nhận thấy cội gốc của phiền não đó chính là nhà. Người thế gian thì rất coi trọng việc nhìn tận mắt, nghe tận tai, đặc biệt là rất trọng thị, yêu mến, chăm sóc thân thể mình. Phật Pháp thì nhận thấy *Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng* có nghĩa là nếu đã có dáng dấp tướng mạo, hình thức thì đó chỉ là tạm thời hư vọng không thật. Cơ thể chúng ta là một khối bất tịnh, vô thường, vô ngã không có gì là thực cả. Sự khác biệt của hai pháp đó là như vậy. Thế mà có người đi tìm cầu sự viên dung của hai pháp, phải chăng như người ngủ giữa ban ngày nằm mộng ư? Vì thế mà nói một cách chính xác, Phật Pháp không giống thế gian pháp. Một cái là xuất thế, một cái là nhập thế. Hai cái khác biệt về tư tưởng, hệ thống làm sao mà tương dung được? Phật Pháp khi xuất hiện đã không mẫn ý với thế gian pháp.

Pháp thế gian dù có tốt thế nào cũng không làm sao giúp con người thoát khổ một cách cứu cánh. Như Đức Bốn Sư của chúng ta, Ngài thị hiện với đầy rẫy của cải, quyền cao tột đỉnh





nhưng cũng không làm sao tránh được sinh - già, ốm - chết .

Cả cuộc đời dù nỗ lực như thế nào đi chăng nữa thì cuối cùng cũng vô nghĩa. Tử vong cướp đi hết thấy mọi thứ của nhân sinh. Đến lúc quay đầu nghĩ lại, cả cuộc đời chúng ta làm những gì, mưu cầu những gì, thì cũng chỉ như giấc mộng mà thôi.

Phật Pháp đối với nhân sinh thì không như vậy, Phật Pháp mở ra một con đường mới, sống một đời sống nội tâm khác với đời sống của người thế gian. Đây không phải như một số người lớn tiếng nói rằng *Phật Pháp bất ly thế gian pháp* hay *xuất thế nhập thế không hai* v.v...

Vì thế phải nhìn nhận một cách đúng đắn chỗ khác biệt của Phật Pháp và thế gian pháp. Như thế mới có thể nhận thức được đâu là Phật Pháp, đâu là cái thuần chân của Phật Pháp để tránh khỏi sự pha tạp, lẫn lộn giữa Phật Pháp và thế gian pháp.

3 - XUẤT GIA CHỨ KHÔNG PHẢI THÙNG





ĐỤNG RAU

Có những người thế gian không hiểu biết về Phật Giáo liền nghĩ rằng: các vị xuất gia tu hành trong các tự viện của Phật Giáo chỉ là cái thùng rau (vì họ chỉ ăn chay), biến người xuất gia thành cái túi đựng rau. Kỳ thực, đó là một sự hiểu lầm rất lớn. Bởi vì người xuất gia không phải là túi rau, mà túi đựng rau cũng không phải chỉ người xuất gia. Người tín đồ của Phật Giáo đều biết rằng: Xuất gia - túi rau - ăn chay chỉ hạn chế ở Bắc truyền Đại Thừa Phật Giáo mà thôi. Ở những vùng này, người xuất gia ăn chay, còn như Nam truyền Phật giáo như: Lào - Thái Lan - Tích Lan hay Tây Tạng v.v...những người xuất gia ở khu vực này, họ không nhất thiết là phải ăn chay. Nếu quan niệm rằng đi tu là phải ăn chay (hay ăn rau) thì người xuất gia ở các nước kia không ăn chay, như vậy họ không phải là người xuất gia sao? Câu nói này không thông vậy. Vì thế không thể phủ nhận xuất gia là cái *túi đựng rau*. Ngược lại, *túi rau* cũng không nhất thiết chỉ





người xuất gia. Chúng ta cũng biết người cư sĩ tại gia khi về già ăn chay không phải là ít, người theo đạo Lão, đạo Tiên cả cuộc đời ăn chay nhưng họ cũng không phải là người xuất gia. Vậy xuất gia hàm nghĩa của nó như thế nào? Nếu nói một cách đơn giản thì xuất gia ít nhất cũng có ba hàm nghĩa .

3.1 - Xuất ly gia đình phiền não.

Người xuất gia đều muốn thoát ra khỏi phiền não của gia đình. Chữ *GLA* đây chính là gia đình. Mà gia đình là do cha mẹ, vợ chồng, con cái, chị em tổ hợp thành. Mọi người ai cũng phải ăn mặc, đi - đứng, nằm - ngồi, ai cũng phải sinh - già, ốm - chết, tâm của ai cũng tham - sân - si, ai cũng có thất tình, lục dục... Vì thế, con người với con người đều có sự quan hệ ràng buộc với nhau, mà đã có ràng buộc thì tất nhiên có cái đúng cái sai. Cái đúng, cái sai chính là những phiền não xâm nhiễu, náo loạn chúng ta. Vì vậy, gia đình chính là cái khối phiền não. Gia đình lớn phiền não lớn, gia đình





nhỏ phiền não nhỏ, không gia đình không phiền não. Xuất gia trước tiên phải có trí lực rời bỏ gia đình. Một khi không có gia đình thì không còn phiền não. Nếu phiền não không còn thì chúng ta tiêu diêu, tự tại biết bao.

3. 2 - Hiểu được chân tướng của sinh mệnh.

Nếu như người xuất gia chỉ thoát ra cái nhà phiền não thì cũng chưa đầy đủ được ý nghĩa hiện thực của việc xuất gia. Như vậy mà xuất gia thì thực là không đáng quý.

Vì sau khi chúng ta xuất gia, không có các việc thế gian ràng buộc, lúc đó cần phải tham cứu, tìm hiểu chân tướng của sinh mệnh. Hiểu biết ý nghĩa của sinh mệnh, làm sao lại có sinh? làm sao sinh rồi lại phải chết? Sống và chết là gì? Nguyên nhân của phiền não từ đâu mà đến? Làm thế nào để dẹp bỏ, tiêu trừ nó? Các vấn đề về nhân sinh, về sinh mệnh là những điều mà người xuất gia cần phải nắm chắc, thông suốt và hiểu biết một cách sâu sắc. Không thể nói xuất gia là trốn chạy hiện thực, cũng không





phải là tiêu cực, yếm thế.

3.3 - Chuyên tâm tu hành:

Đã là phàm phu thì ai cũng có phiền não. Làm sao lại có phiền não? Vì người phàm phu dễ tạo ác nghiệp, ác nghiệp chiêu cảm phiền não. Nếu hoàn toàn muốn dứt bỏ phiền não thì phải tu hành, cải sửa những điều không đúng, những hành vi sai lầm. Đặc biệt, nếu chúng ta sau khi nhận biết được chân tướng của sinh mệnh thì phải làm sao để những việc làm của mình phù hợp, tương dung với những cái mà mình hiểu biết. Nếu không thì sự và lý làm sao viên dung cho được? Muốn giải thoát phiền não cần ngăn chặn việc ác. Nếu không dụng công tu tập thì cũng chỉ là lời nói viển vông, không có thực vậy. Phật giáo rất chú trọng những bậc chân tu thực học, người xuất gia phải trải qua quá trình tu nghiệm bản thân phiền não mới được tiêu trừ, sinh mệnh mới được thăng hoa. Cho nên người xuất gia không có cái mệt mỏi của gia đình, không có những





phiền não trôi buộc quấy nhiễu, vì thế họ mới chuyên tâm tu học được.

3.4 - Kết thúc lời nói

Qua đoạn văn trên, chúng ta hiểu rằng xuất gia không chỉ là xa lìa gia đình mà còn phải xa lìa phiền não, thậm chí siêu vượt ba cõi, rời xa những tình cảm ái dục, vật chất, để đạt đến thăng hoa tuyệt đỉnh, từ bi vô ngã của Đạo Phật. Lý trí còn khiêm khuyết cần phải thăng hoa, đạt đến trí tuệ tròn đầy. Ý chí không còn mờ mịt, rồi bời, sinh mệnh luôn luôn được tự tại và hỷ lạc.

Ăn rau (*ăn chay*), cái nghĩa sâu xa của nó là ở chỗ đó. Nếu như chỉ cầu bản thân vô sự, thanh tịnh, không biết thế sự, nhân tình thế thái thì nó bao hàm cái ý tiêu cực, chán đời ở bên trong. So với hàm nghĩa của người xuất gia rất xa vời vậy.

4 - MƯỜI HAI LOẠI NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC THỂ ĐỘ XUẤT GIA





1. Người dưới bảy tuổi, vì tuổi đời họ còn nhỏ, không tự chăm sóc cho bản thân được, phải cần đến người khác chăm sóc thì không được xuất gia. Ngược lại, nếu người bảy tuổi nhưng biết được mọi việc, có thể tự chăm sóc bản thân, hay ở trong chúng có người phát tâm vì người đó mà chăm sóc, dạy bảo thì nên xem xét, cân nhắc có thể vì họ mà cho xuất gia tu hành.
2. Người già tuổi cao, ốm yếu, không tự chăm sóc cho bản thân nên không được xuất gia. Nếu người già tự chăm sóc bản thân, hay có người chăm sóc người đó thì có thể vì họ cân nhắc suy xét cho xuất gia tu hành.
3. Người sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không đầy đủ thì không được xuất gia. Nói một cách khác, thân thể của họ tàn chướng, tinh thần có vấn đề thì không được xuất gia, cũng không được tự xưng là người xuất gia của Phật giáo.





4. Hoàng môn không được xuất gia, *Hoàng môn* chỉ những người thái giám ở trong cung vua, con trai không có sinh trực khí (dương vật).
5. Thân hai hình không được xuất gia. Đây là chỉ người trên cơ thể của họ có hai bộ phận sinh dục nam và nữ.
6. Cha mẹ không đồng ý thì không được xuất gia (chỉ những người chưa đến tuổi thành niên hay đã đến tuổi) nhưng nếu không được sự đồng ý của cha mẹ thì không được xuất gia.
7. Người nợ nần quá nhiều không được xuất gia. Ý nói sự nghiệp của họ thất bại, vay mượn, nợ nần tiền của người, vì muốn trốn chạy tháo nợ nên mới cầu Phật xuất gia, hạng người này không được cho xuất gia tu hành.
8. Người mà có tâm giặc vào đạo cũng không được xuất gia. Đây là chỉ những người tham cầu lợi ích của người xuất gia, tham hưởng thụ, thích cuộc sống thanh nhàn, hay nói người có tính gian tà, tham





- ăn mông làm cho nên mới xuất gia, chứ thực họ không có tâm cầu xuất gia, học đạo giải thoát vì Phật pháp vì chúng sinh.
9. Ngoại đạo đồ chúng không được xuất gia. Chỉ những người có tín ngưỡng tôn giáo khác nếu trước khi chưa được chính tri, chính kiến của Phật Pháp cũng không được xuất gia.
 10. Phi nhân không được xuất gia. Là chỉ quỷ thần, trời rồng, yêu tinh... dùng các phép thần thông để biến thành người, có thể sống thời gian dài như con người.
 11. Phạm tứ trọng giới không được xuất gia. Tứ trọng giới là chỉ: sát, đạo, dâm, vọng. Đó là người có tính ác sâu nặng, ăn sâu vào tâm thức. Những người như thế không được xuất gia .
 12. Người tạo tội ngũ nghịch không được xuất gia. Ngũ nghịch là chỉ những người giết cha, giết mẹ, giết A - La - Hán, phá hòa hợp Tăng, ác ý làm cho thân Phật chảy máu. Đây là người mắc phải tội cực ác nên không được đến Phật môn xuất





gia.

5 - BA MƯƠI ĐIỀU TỔ SƯ KHUYÊN DẠY NGƯỜI XUẤT GIA

1. Xuất gia phải chăm tham thiền, quán suốt trước khi ta sinh, thân này từ đâu mà đến và một khi thân này mất đi chúng ta lại đi về đâu? Nên cần trân trọng cái thân này, một khi mất đi không biết khi nào có được.
2. Xuất gia phải chuyên cần niệm Phật, niệm niệm cầu sinh nước Phật, niệm đến chỗ không niệm mà niệm, thể tính Di Đà từ chỗ không mà được.
3. Xuất gia chân thành lễ Phật mới tiêu trừ được hết tội nghiệp bình sinh. Triệu - Châu hai vua cúng dường cũng từ cái pháp tắc này.
4. Xuất gia nghiêm trì giới hạnh, giới là mạng mạch của Phật, thụ giới không giữ Tỳ ni một nhọc uổng công vô ích.
5. Xuất gia luôn tham học, không thì cắt





- miệng loạn đạo, trong ngực nửa chữ không có, Phật tổ cười chê người đó.
6. Xuất gia nên thường tụng kinh, trước là báo đáp tứ ân, lòng tin miệng tụng lời Phật tự thành đại tạng toàn văn.
 7. Xuất gia phải kính sư trưởng, tùy lực tùy thời cúng dường, trăm hiếu không bằng một thuận, không được giương mắt cãi lại.
 8. Xuất gia cần học chân thành, thứ nhất không được nói lời thêu dệt, nói sai, có chấp thô bạo khiến người, thần nhìn thế tức giận.
 9. Xuất gia phải dạy đệ tử, không được cho họ phóng dật, cần mẫn nuôi dạy thành người, sau làm long tượng Phật môn.
 10. Xuất gia trừ bỏ biếng lười, có việc nên đi làm trước, nếu mà trốn tránh tìm yên, người, thần làm sao hộ vệ.
 11. Xuất gia cần học định lực, phải đem tâm riêng đoạn hết, lời nói cũng giảm dần dần, tự nhiên vạn duyên đều mất.
 12. Xuất gia phải gần người lành, hết lòng





- gần gũi thân cận, học hỏi cái tốt để lòng tự nhiên thoát tục lý trần.
13. Xuất gia xa rời bạn ác, cái ác dẫn làm điều xấu, phép vua chẳng sợ ác nhân, người ác phải chịu tù ngục.
 14. Xuất gia phải khinh tài vật, không được trăm phương nghìn kế, hơi thở mà nó không đến, một hào không đem đi được.
 15. Xuất gia cần sống đạm bạc, từ xưa ba thường (ăn, ngủ, nghỉ) không đủ, đừng chê cơm nhạt, canh ôi.
 16. Xuất gia đoạn hết phiền não, ngộ một - trăm thứ đều ngộ, sớm tối phiền phiền - não não, già đến Phật đạo ở đâu?
 17. Xuất gia phải rõ nhân quả, cơm kia tín chủ cúng ta, ăn rồi mà không tu hành làm thân trâu ngựa bồi hoàn.
 18. Xuất gia sống hòa với chúng, cẩn thận chớ có đấu tranh, chụm đầu nói phải nói sai, nhàn rồi thời gian trôi đi.
 19. Xuất gia chịu ít thua thiệt, lại mang ba phần ngu đần, tâm như tro tàn gỗ khô,





- phải trái làm sao đếm được.
20. Xuất gia luôn cần biết đủ, đừng quản quần lành áo rách, nếu muốn tài vật của người, nhìn xem phúc mình bạc hết.
 21. Xuất gia chăm việc thường trụ, cây kim ngọn cỏ chớ từ, buông tâm phóng túng dùng riêng, già lam, thiên thần sẽ tính.
 22. Xuất gia nên tiếc tuổi nhỏ, mọi việc cần phải hướng trước, lúc đó thân cường lực tráng cây cây ruộng vườn tổ nghiệp.
 23. Xuất gia cần phải dậy sớm, muộn rồi tu hành không liễu, sớm tối rồi lại sớm tối, sớm tối thọ mệnh khó giữ.
 24. Xuất gia miệng cần cần mặc, không được khoa môi múa mép, nếu mà tạo chuyện thị phi, ngục khổ đang chờ ta đó.
 25. Xuất gia phải lập ý chí, cần gấp đốn tâm liễu tính, đừng có điên đảo phan duyên, A Tỳ ngục đó ai thay.
 26. Xuất gia cần phải nhẫn nhục, nhẫn nhục thiên hạ hòa lục, chớ đố Phật tổ chân truyền, nhẫn nhục tội ít phúc tăng.
 27. Xuất gia xa rời nhà tục, nhà tục người





- việc như vừng, đoạn tuyệt phiền não trần
duyên ,tự nhiên có đường sống khác.
28. Xuất gia đoạn hết vọng tâm, vọng tâm
việc tốt khó thành, nếu nương vọng tâm
làm việc, tất có họa hoạn đến thân.
29. Xuất gia thông đạo, đạt lý, tất cả phải
hết lòng mình, khiêm hòa và nhường ba
phân , gặp nhau người người vui vẻ.
30. Xuất gia cần tin Phật Pháp, Tam Tạng
một hơi học hết, mới biết nguồn sâu mạch
dài, kế thừa mạng mạch Như Lai .

6 - BÀI TÁN THÁN CHƯ TĂNG CỦA HOÀNG ĐẾ THUẬN TRI

*Cơm ở từng lâm giống như sơn
Gặp ở nơi đâu ăn tùy thích
Vàng ròng ngọc trắng chẳng quý đâu
Chỉ có cà sa đắp vai khó
Đất nước non sông trăm là chủ
Yêu nước yêu dân, phiền lắm việc
Trăm năm, ba vạn sáu nghìn ngày
Chẳng bằng Tăng già nửa ngày nhàn*





*Khi đến hồ đồ, đi thời mê
Không ở nhân gian chạy một hồi
Ta là ai nhỉ, trước khi sinh?
Khi sinh ta rồi, ta là ai?
Lớn lên thành người mới là ta
Nhắm mắt mờ mịt lại là ai?
Chi bằng không đến cũng chẳng đi
Đến thời vui vẻ, đi thời bi
Vui - buồn, li a- hợp nhiều mê mới
Ai mà biết được ngày thanh nhàn
Nhà Tăng việc đó ai thông đạt
Từ đây quay đầu vẫn chưa muộn
Thế gian khó bì người xuất gia
Không ưu chẳng lo được tự tại
Trong miệng thường ăn vị thanh hòa
Trên thân thường mặc bách nạp y
Năm hồ bốn biển làm thượng khách
Bởi nhân đời trước trồng Bồ Đề
Mỗi mỗi đều là A La Hán
Y vàng ba tấm Như Lai ban
Chim vàng, thỏ ngọc đông - tây ruồi
Với người đàng có dụng tâm cơ
Thế sự trăm năm ba giấc mộng*





*Vạn lý càn khôn một ván cờ
Thuần đào chín sông, Thang thả Kiệt
Tần nuốt sáu nước, Hán đăng cơ
Anh hùng từ xưa nhiều như thế
Núi cao nam - bắc, nằm dưới đất
Áo rồng đổi lấy tím cà sa
Chỉ vì năm đó một niệm sai
Ta vốn Tây phương một nạp tử
Làm sao lại sinh nhà đế vương
Mười tám năm nay chẳng tự tại
Nam chinh Bắc phạt ngày nào ngơi
Ta nay buông tay, Tây Phương bước
Không quản nghìn thu với vạn thu*

7 - QUAN NIỆM CHÍNH XÁC CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Có một người làm Tổng giám đốc của một Công ty hiện tại chưa kết hôn, anh ta cũng chưa nghĩ tới chuyện kết hôn. Làm sao anh ta không kết hôn nhưng cũng chẳng xuất gia? Có hai nguyên nhân: một là mẹ của anh cần đến anh ta, hai là cần người chăm sóc. Do đó rất





muốn anh ta kết hôn. Đối với tình cảnh của mình, anh ta liền đến hỏi tôi nên làm thế nào? Tôi nói: Hoàn cảnh của anh như vậy thì không được xuất gia, hãy mau chóng kết hôn đi! Anh ta nói rằng: anh ta không muốn kết hôn. Tôi liền trả lời: Nếu bản thân anh không muốn kết hôn thì làm sao phải để ý đến việc mẹ anh muốn anh kết hôn?

Khi nói đến vấn đề này, chúng ta đều biết Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã kết hôn, sau đó Ngài vượt cửa thành vào lúc nửa đêm xuất gia. Việc làm của đức Phật như vậy là đúng hay sai? Ngài Hoàng Nhất đại sư cũng kết hôn, sau đó mới từ bỏ cuộc sống vợ chồng xuất gia, như vậy là đúng hay sai? Cho nên tôi mới nói đến cái tình cảnh của anh ấy là không được xuất gia. Cũng có thể nói anh ấy rất phong phú về mặt tình cảm, không có biện pháp nào quyết định, nên kết hôn hay xuất gia.

Vậy xuất gia có phải là đến bố mẹ cũng không cần sao? Thật không có việc đó. Chúng ta xuất gia càng phải hiếu thuận, phụng dưỡng cha mẹ. Nếu như cha mẹ không có ai chăm sóc





thì chúng ta nhất định phải hiếu dưỡng. Người xuất gia chúng ta không cần tài sản của cha mẹ nhưng khi cha mẹ không có người chăm nom thì những người con xuất gia nhất định phải mời cha mẹ đến chùa để hiếu dưỡng. Vì vậy những thanh niên đến học Phật thì phải làm tròn trách nhiệm, nghĩa vụ, bổn phận của mình đối với cha mẹ. Có người cho rằng: người xuất gia chúng ta không làm hết những bổn phận, những lễ thường tình ở thế gian. Nhỏ nhất là không làm hết những bổn phận của người vợ, người chồng, người con. Nhưng người xuất gia có thân phận của người xuất gia, chỉ cần làm tròn thân thân phận của người xuất gia. Không cần phải có trách nhiệm gia đình của người thế tục, nếu không như vậy thì cũng chẳng phải là người xuất gia.

Phật giáo luôn mong muốn chúng đệ tử làm tròn trách nhiệm của mình, mà chỉ cần dùng thân phận hiện tại của chúng ta làm tròn là đủ. Cũng như Tỳ Kheo không có vợ thì làm sao có thể nói làm tròn trách nhiệm của người chồng? Tỳ Kheo ni không có chồng thì làm sao





CÔNG ĐỨC CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

nói làm tròn trách nhiệm của người vợ? Không có cái thân phận làm vợ, làm chồng thì chẳng cần làm tròn trách nhiệm của thân phận đó. Nhưng người xuất gia chúng ta không thể nói là không làm tròn trách nhiệm, bổn phận của con cái. Nếu có thể đối với hết thầy chúng sinh tùy tâm bình đẳng làm hết trách nhiệm để cứu tế mọi người, đó chính là nội dung *Người thành tíc Phật thành* của Đại sư Thái Hư.

Từng có một thanh niên đến tham gia tu thiền, đồng thời phát tâm xuất gia. Kết quả là anh ta không dụng tâm tu tập, sau khi xuất gia rất phiền não, tự mình nhận thấy khâu chuẩn bị vẫn chưa đủ, vì thế anh ta liền bỏ tu thiền và hoàn tục.

Kỳ thực, Đức Phật nói : *Thế tâm nhất xứ, vô sự bất biện*. Có thể giải thích là chỉ cần ý chí kiên định, bất kể việc gì dù rằng khó đến mấy cũng có thể thành. Người mà ý chí kiên định thì đối với họ dù có làm bất cứ việc gì, dù khó đến mấy cũng xong. Con người mà ý chí bạc nhược, đối với họ dù có làm bất cứ việc gì, dù việc có dễ như thế nào chẳng nữa, họ làm cũng





chẳng xong. Học Phật thành Phật là việc của nhiều đời, nhiều kiếp. Xuất gia chứ không phải là diễn kịch, chẳng phải một phút một giây mà thành tựu, thậm chí đến phát nguyện tu trì cả đời khi mới gặp chút nghịch duyên liền thôi chí, giữa đường bỏ chạy.

Phải ở chỗ sóng to gió lớn, tuyết phủ đất rung, kiên trì không mệt mỏi, trường kỳ dần bước tiến lên, không kể đường xa chông gai hiểm hóc, cuối cùng cũng nhìn thấy ánh quang minh trên đỉnh núi Linh Sơn. Nếu có tâm lý chuẩn bị, lại có ý chí kiên cường, bản thân biết con đường đi đầy rẫy nguy hiểm, gặp phải gian nan hiểm trở mà vẫn tính toán được mọi việc, không bị chướng ngại cản trở con đường ta đi, chỉ cần nỗ lực dần bước tiến lên.

Ví như người đệ tử của tôi cũng không phải là thông minh cho lắm, nhưng mà đệ tử đó làm bất cứ việc gì đều dùng hết tâm sức để làm. Vì thế mà học cái gì tuy là không giỏi hơn chúng bạn nhưng cũng không thôi chí từ bỏ, luôn có ý chí hướng lên, đã học thì phải học cho bằng biết, làm thì phải làm cho bằng xong,





đó chính là phẩm chất của người đệ tử đó.

Cho nên người tu thiền càng cần phải có ý chí, nghị lực giống như vậy. Ngõ hầu sau này mới trở thành Đại Pháp Khí của Đức Như Lai.

Có một số cháu đến chùa xin tôi cho xuất gia. Tôi hỏi các cháu có hiểu ý nghĩa của việc xuất gia không? Biết rõ ràng đời sống sinh hoạt của người xuất gia không? Có phải trong trí óc tưởng tượng của các cháu, người xuất gia rất thiện, rất đẹp? Các cháu nói người ở đây rất tốt, rất thân thiện, gần gũi, họ không giả dối, không lo âu, mà rất tự tại và vui vẻ. Các cháu rất thích hoàn cảnh nơi đây, đặc biệt là thích người nơi đây.

Kỳ thực bọn họ đều sai rồi! Tôi sinh hoạt ở chỗ này, tự bản thân tôi cũng có tỳ vết, đệ tử của tôi trên mình đều mang đầy những vết sẹo và thương tích. Những con người này nếu mà quan sát bề ngoài vài ngày thì không thể biết được, phải sau đó ít lâu mới có thể dần dần hiểu được. Bởi vì nguyên tắc chỉ đạo và phương thức sinh hoạt của Phật Pháp khiến cho mọi người khi nhìn vào đều thấy là rất tốt.





Nhưng nếu bạn là phàm phu thì bạn nhất định đem theo những tập khí, nghiệp báo khi đến thế gian này. Vì thế mà tôi nói với chúng đệ tử rằng: Xuất gia không phải trốn chạy nghiệp báo, cũng không phải là đến chùa chiêm hưởng phúc thanh nhàn mà phải ôm một nguyện lực kiên định, một tâm nguyện xuất trần, một ý chí giải thoát cho mình, cho mọi người. Nếu ta không vào địa ngục thì ai vào địa ngục để chịu khổ chịu nạn đây? Câu nói này khiến cho nhiều người nghe không hiểu. Chúng ta thử nghĩ xem, ngay địa ngục trên thế gian cũng không khổ bằng địa ngục ở trong Kinh miếu tả thì làm sao có thể nói là sau khi xuất gia lại chịu khổ nạn ở địa ngục? Đúng thế! Tôi không phải dọa các vị, khiến cho mọi người không dám xuất gia. Địa ngục hay không chính là do chúng ta đem đến. Vậy khi chúng ta xuất gia, tuy rằng gia đình, sự nghiệp của mình để lại thế gian, nhưng chúng ta lại đem chính nghiệp lực của mình đến, vậy trong nghiệp vốn sẵn có cái nhân địa ngục, cũng giống như con trâu chuyên đổi chỗ ở, dù chuyên đến chỗ nào cũng





CÔNG ĐỨC CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

không thể quên mang theo cỏ rơm đi theo. Khi chúng ta xuất gia, tức là chúng ta đã đem địa ngục đến cho ngay bản thân mình, mọi người ai cũng tạo qua cái nhân đọa vào địa ngục. Đã tạo nhân thì ắt phải chịu quả, đó là lẽ thường tình, tại sao lại trốn tránh, hãy đối diện với hiện thực, hãy dũng cảm xuống địa ngục chịu khổ báo trước, sớm trả sớm giải thoát, đó chẳng phải là việc làm rất tốt sao? Cả cuộc đời xuất gia, tốt nhất là nên chuẩn bị tâm lý trong địa ngục chịu khổ.

Tôi kể cho anh nghe một câu chuyện, có một vị cư sĩ đến thăm viếng chùa, trong khi đàm đạo, vị ấy nhận thấy rằng, người xuất gia chúng tôi, không có cái mệt nhọc của gia đình lại có ẩm thực, y phục, ngọa cụ cúng dường của thập phương, được ăn, được mặc, được ở, không phải bôn ba chạy vạy lo miếng cơm manh áo, cũng chẳng lo âu, sầu não. Mỗi khi đến chùa, được các thầy chiêu đãi dùng cơm chay, thưởng thức một số đồ ăn rất ngon. Ăn xong, vị cư sĩ ấy nói rằng: Ăn như thế này thì tôi cũng muốn xuất gia, làm Hòa Thượng. Lý





do vì ở ngoài đời, cuộc sống của họ vất vả, khổ cực. Tôi nói: Đi tu khổ lắm! Những đồ chay mà các vị ăn cảm thấy ngon như vậy là để dùng cho khách, những người không chịu được khổ. Còn như ngày thường của chúng tôi không có những đồ này mà ăn đâu! Người xuất gia vốn không có cái gì là của mình, hết thấy là của mười phương thí chủ cúng dường. Chỉ mong ngày thường không bị chết đói, mùa đông không bị chết lạnh. Mỗi ngày dậy sớm, ngủ muộn. Ban ngày vì mọi người chấp lao phục dịch, tối đến thì tụng kinh, ngồi thiền, lễ Phật, cả năm chẳng có ngày nào nghỉ ngơi. Nếu bạn muốn xuất gia, cần phải chuẩn bị tâm lý trước cho mình. Chỉ có như thế thì sau khi xuất gia, dù ở trong hoàn cảnh nào đi nữa, tâm cũng không có chướng ngại. Vị cư sĩ này sau khi nghe xong lời tôi nói, liền dứt bỏ tâm niệm xuất gia. Anh ta nói: Tôi thà nguyện sau nay xuống địa ngục, chứ không dám bây giờ vào địa ngục.

Lại có một vị cư sĩ khác muốn xuất gia, tôi liền nói với vị đó rằng: Xuất gia là rất khổ! Sư phụ mắng trách anh, sư huynh bới móc anh, sư





đệ làm phiền đến anh, người tín đồ Phật tử tại gia cầu cạnh anh. Đó là cái khổ mà không thể nói cho ai được. Vị cư sĩ đó liền nói: Bạch thầy! như thế là tiêu nghiệp chướng. Con xem ở trong Kinh Địa Tạng, Bồ Tát cũng từng nói: Nếu ta không vào địa ngục thì ai vào địa ngục đây? Do vậy mà con rất muốn thử xem sao. Kết quả là vị cư sĩ đó liền đến chùa xuất gia mà lại xuất gia rất thành tựu.

8 - HÒA SÂM - HÒA DÁNG - HÒA THƯỢNG

Người xuất gia đại thể có ba loại: Hòa sâm - Hòa dáng - Hòa Thượng

8.1 - *Hòa Sâm*: Chỉ những vị sau khi xuất gia chưa được bao lâu, bèn chỗ nào cũng đi, chỗ nào cũng đến, chỉ nghe phong phanh nơi nào có đám tiệc, tuần chay liền vội tìm tới, vội tìm cho mình đạo tràng, tự viện chùa chiền, tháng ngày chạy ruổi Đông, Tây, Nam, Bắc. Nếu nói cho dễ nghe là đi tham học, tìm tòi, còn khó nghe một chút là ngựa không cương, hay ngựa bất kham. Cái học của vị đó cũng





không có vị thầy nhất định chỉ dạy cho nên cử chỉ, hành động cũng không được như nhất, chẳng có uy nghi phép tắc.

8.2 - Hòa Dáng: Chỉ những vị bề ngoài rất giống dáng của người xuất gia. Lời nói, cử chỉ đều có uy nghi, lễ nghi, tụng Kinh bái sám và các Phật sự quy củ đều thông thuộc. Nếu được giống như vậy thì cũng là dáng của một vị Tăng, hiếm lắm rồi, không dễ mà có được. Chỉ hiềm một nỗi, khi tụng Kinh, ngồi thiền thì vọng tưởng khởi lên âm âm bởi vì nghiệp chướng sâu dày, phiền não không dứt, vì thế mà không an trụ được.

8.3 - Hòa Thượng: Chỉ những vị lấy hòa làm thượng sách, đây là lời giải thích của trung văn. Vì cái tâm của những người này có chỗ gửi gắm nên tâm của họ an trụ ở nơi đạo. Họ có tâm Bồ Đề, có lòng từ bi, biết chăm sóc, hỏi han, bao dung, độ lượng đối với mọi người xung quanh, và họ biết tùy duyên thích ứng với từng địa phương, từng hoàn cảnh, tùy theo căn cơ của mỗi chúng sinh mà hóa độ. Họ có thể trụ trì ở một ngôi chùa, hay là người hoằng





dương, hóa đạo ở các phương , khi thụ giới lại làm đắc giới Hòa Thượng, khi thế độ thì làm thế độ Hòa Thượng. Người xuất gia này tâm tính rất ổn định, có thể làm thầy của Trời, người.

Người xuất gia, việc đầu tiên là phải học cái dáng của người xuất gia (Hòa dáng), trước tiên là phải đem cái hình dung, dáng vẻ, uy nghi, cử chỉ học cho tốt, sau đó thì mới có thể làm Hòa Thượng được. Trong thời gian học cái dáng của người xuất gia dần dần tự nhiên chúng ta sẽ đi đến gần cái hướng làm Hòa Thượng. Sau khi xuất gia, nếu không thích ứng cuộc sống của Tăng đoàn, phiền não rối bời, lại luôn xô xát với mọi người ở trong chùa, không kể là người mới xuất gia hay xuất gia lâu rồi đều cần phải phát tâm chấp lao, phục dịch, lao động nhiều. Mỗi khi chúng ta lao động, máu huyết lưu thông, không tập trung ở nơi não, vì thế mà tạp niệm, vọng tưởng giảm nhiều, cơ thể luôn khỏe mạnh, thân và tâm cân bằng, không nao động cuồng nhiệt quá, cũng không an định trầm mặc quá. Nếu người tâm tính





trầm trọng nặng nề, hay nói là người trầm tư mặc cảm thì phải luôn tụng Kinh, lễ Phật, ngoài thời gian đó phải vì đại chúng trong thường trụ làm các việc như: rửa nhà vệ sinh, vườn tược, tạp vụ hay những công việc nặng nhọc khác cho đến khi nào mồ hôi ra nhiều, sức lực tổn hao thì nghiệp lực do đó mới được thuyên giảm, phúc tuệ tăng trưởng.

9 - Ý NGHĨA CỦA SỰ THẾ PHÁT.

Từ thân phận một người cư sĩ hay còn gọi là tịnh nhân đến khi trở thành một vị hình đồng Sa Di thì trong quá trình đó có nghi thức của sự thế phát (cắt tóc). Nhưng không thể cho thế phát là sự thăng cấp lên bậc. Do vậy người tu hành không vì việc đó mà thấy đắc ý vinh hạnh, cũng không vì việc đó mà thấy phật ý, phiền lòng, dày vò bản thân. Những thứ đó hãy vứt bỏ, dẹp ra một bên để sự thế phát cũng có nghĩa là thế trừ ngã chấp, những phiền não trói buộc như: tự ti, kiêu ngạo, ngã mạn v.v... Người thế gian khi đắc ý quang vinh, họ chấp





trước không bỏ do vậy mà sinh lòng cống cao, ngã mạn, khi gặp thua thiệt, thất ý thì dầy vò không yên, chẳng thể buông xuôi. Từ đó sản sinh lòng tự ti, tâm oán hận. Họ không hiểu vạn vật đều do nhân duyên sinh, lại do nhân duyên diệt, các pháp thế gian như mộng huyễn, ảo ảnh, cuối cùng cũng chỉ là không. Người xuất gia đến Tam Bảo cầu xin cứu độ. Theo Phật xuất gia thì phải đem tất cả những vinh - nhục, được - mất cho đi bằng hết, phải đem tâm quay trở lại giống như đứa trẻ lúc mới sinh hồn nhiên ngây thơ, trong trắng. Nếu không thể chuyển biến, thay đổi những quan niệm này, thì cái bản tính cương cứng, cái tập khí thâm căn cố đế của ta khó sửa đổi và phiền não sẽ vô cùng vô tận. Người đó nếu thế phát thì cũng chỉ làm tăng thêm cho bản thân rất nhiều khốn nhiễu và sự lo lắng đối với Tăng đoàn.

Tôi thường nói với những người trước khi đến cầu xin xuất gia, Phật giáo bây giờ thiếu nhiều người có lòng bi nguyện xuất gia. Nếu xuất gia chỉ là gửi thân vào cửa Phật cho qua





ngày, đoạn tháng, sống yên thân là đủ, hay chỉ tụng Kinh bái sám, làm các Phật sự, hóa tiểu duyên, làm các việc thiện, hoặc dùng nhiều cách thiện xảo để được tín đồ cung cấp cúng dường thì chính là chỗ kẽ hở giữa chính và tà. Dựa vào đó để kiếm sống là bại chủng của Phật Giáo, những kẻ đó sẽ khiến cho Phật Giáo dẫn đến con đường bại hoại, suy diệt.

Bồi dưỡng phẩm đức và lòng bi nguyện của Phật Giáo cần những người có đầy đủ phẩm đức, đạo tâm và năng lực học vấn cơ bản. Điều kiện cơ bản ở đây là phẩm đức và bi nguyện. Nếu sau khi xuất gia lại luôn giữ những tập khí, cá tính khi còn ở thế gian, tuy là có học vấn, có năng lực chuyên môn nhưng lại không dứt bỏ được các việc như: đợc - mất, thị phi v.v... thì phẩm đức cũng không thể thăng hoa được. Những hạng người này đối với chính thể của Phật Giáo mà nói thì không có ích vậy.

Do đó, người chuẩn bị thế phát nhất định phải khởi tâm Bồ Đề, phát đại thệ nguyện, triệt để các tập khí của mình, những tật xấu từ trước phải dứt bỏ, lại cần phải chuyên lễ Phật,





CÔNG ĐỨC CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

tụng Kinh, bái sám, nuôi dưỡng lòng tri ân, cảm ân, báo ân, tâm nhu hòa thiện thuận nhẫn nhục. Đó chính là phẩm đức cao thượng của người xuất gia. Cho nên dùng gươm trí tuệ chặt đứt cái tâm vinh quang đắc ý, lại dùng cái lửa bi nguyện đốt cháy tiêu tan cái tâm được - mất, hơn - thua. Không thể nhân nhượng cái phiền não tập khí ở nơi thân tâm, nó sẽ làm hại đến pháp thân tuệ mệnh của chúng ta. Trăm ngàn vạn lần chúng ta cũng không được tự ti, cống cao, ngã mạn, không được bắt mẫn với người mà ta nhìn không thuận mắt, không được bới móc, soi mói, kì thị bài trừ. Ngoài ra, bản thân chúng ta cũng không được đối với cái này thì có ý kiến, cái kia thì có biện pháp khi nhìn mọi việc không thuận mắt, hợp ý. Nếu không như vậy loại người này mà tăng lên thì Tăng đoàn khó mà vận hành phát triển được.

Người xuất gia tâm phải như đài gương trong sáng mà thân thể lại giống như chiếc giẻ lau chùi. Sau khi thế phát cũng không thể tính là một vị chân chính xuất gia. Tại sao lại nói như vậy? Vì những người đó vẫn còn coi trọng





thân thể và ý nghĩ của mình, hay nói rộng ra là vẫn còn tham đắm và chấp trước rất nặng. Nếu chấp trước đây là thân thể của mình, ai động đến mình thì tham, sân, si, nổi lên, do đó mà thân thể có nhiều tì vết. Nếu còn chấp trước đây là biện pháp, là ý nghĩ, là ý tưởng của mình, như vậy trong tâm ắt có nhiều phiền não. Nếu được như trong Kinh Lăng Nghiêm nói: *Tương thử thân tâm phụng trần sát, thị tắc danh vi báo Phật ân* hay nói cách khác: *Phục vụ chúng sinh là thiết thực cúng dường chư Phật*. Phải luôn dùng tâm nhẫn nhục mà điều hòa tâm ý của mình, lòng không phiền não như tấm gương sáng không có bụi trần, thân luôn nhẫn nhục cũng ví như cái giẻ lau lau chùi những nơi ô uế. Còn không, sau khi thể phát mà phát hiện bản thân xa lìa đạo tâm, liền tự mình sờ lên đầu mà nhắc nhở rằng: mình là người đã thể phát xuất gia, lòng sinh hổ thẹn, liền lập tức niệm Phật sám hối.

10 - LẤY THOÁI LÀM TIỀN - LẤY IM LẶNG
LÀM BIỆN BẠCH





Sư phụ của tôi đã từng hỏi tôi: Con có biết người tại gia và người xuất gia khác nhau ở chỗ nào không? Tôi liền nói: Bạch thầy! thân phận người xuất gia và người tại gia không giống nhau. Người xuất gia sau khi thụ giới Tỳ Kheo liền trở thành một vị Tỳ Kheo, thụ giới Sa Di liền trở thành một vị Sa Di. Thầy liền lắc đầu nói rằng: Con nói lại đi! Tôi liền nói: Người xuất gia không được kết hôn, không được giữ tiền của. Thầy vẫn lắc đầu. Tôi quả thực lúc đó nghĩ không ra, chỉ còn cách thỉnh cầu Sư phụ khai thị chỉ bày. Thầy liền nói: Người xuất gia chúng ta lấy thoái làm tiến, lấy im lặng để biện bạch, lấy phụng hiến làm thành tựu, hay nói cách khác: lùi một bước, tâm bình khí hòa, nhượng ba phần, biển rộng trời cao.

Khi chúng ta bị mọi người khiển trách, phê bình thì không nên biện bạch, minh oan. Nếu biết biện bạch là sai, cần phải nhẫn nhục, nỗ lực phụng hiến để đạt tới mục đích của mình. Nếu ở chỗ nhân duyên không được như ý cũng





không được nhắm mắt làm càn, nên lấy thoái làm tiên, bảo trì thực lực, giữ cho như ở trong núi không, giữa mùa đông giá lạnh mà vẫn có củi đốt, lấy cái không mà đợi thời cơ, chứ không phải chỉ có cái vị thoái lui mà không có tiên vậy.

Người xuất gia lấy thoái làm tiên, lấy im lặng làm biện bạch, lại có đạo tâm, có lòng bi nguyện. Thế nào là đạo tâm? Là luôn phản tỉnh bản thân có tâm kiêu ngạo hay không? Có lòng tự ti không?

Có một số người luôn nghĩ: học lực của bản thân không cao nên sinh tự ti, lại có một số người thân thể không đầy đủ cũng vậy. Lại nữa, có một số người vì tuổi cao sức yếu, không làm được mọi việc cũng sinh lòng tự ti. Như vậy, người luôn tự ti thì thân thường có tỳ vết, vì sợ hãi cái nhược điểm của mình bị người khác phát hiện. Ngược lại, người học lực cao, năng lực mạnh cũng dễ phát sinh lòng kiêu mạn. Họ tự nghĩ rằng: chỉ mình mới có tâm đạo, hay việc tu hành của mình hơn mọi người khác. Đó đều là những ý nghĩ, tâm niệm của người cư sĩ





tại gia, vì nguyên nhân đó sẽ phá hoại đạo tâm của chúng ta. Nếu chúng ta còn những ý nghĩ như vậy thì cần phải sinh lòng hổ thẹn, lễ Phật sám hối.

Nếu tự nhận mình là người có đạo tâm, vì Tam Bảo phục vụ, cống hiến nhiều một chút nhưng lại suốt ngày chê bai người khác năng lực kém, không cống hiến bằng mình, so đo hơn thiệt, tại sao mình làm nhiều, cống hiến nhiều mà người khác lại làm ít vậy? Cái ý nghĩ và cái tâm kiêu ngạo đó mỗi khi phản lại sẽ làm mất đi đạo tâm của chúng ta, khiến cho thân tâm khó bình an. Vì thế học đạo cũng khó mà tiếp thu được. Phải biết rằng bản thân mình làm được nhiều việc là điều đáng quý, làm được nhiều thì nhân duyên phúc đức càng nhiều. Còn người khác làm ít, làm không tốt thì do nhân duyên của họ chỉ có vậy thôi nên khởi lòng bao dung rộng lượng, thương yêu người yếu kém đó. Phải chăng thân thể của họ đau yếu, hay do nhiều nguyên nhân khác khiến họ không làm được việc, không được bằng mình? Nếu người yếu kém đó đến thỉnh giáo,





cầu xin chỉ dạy nhất định phải nói với họ phương pháp làm của mình như thế nào để họ tham khảo, lại nhắc họ cũng không nhất thiết phải chiếu theo cái phương pháp đó mà theo vậy, nên có óc sáng tạo để làm việc tốt hơn.

Cuối cùng tôi nhắc nhở, khuyến khích mọi người nên nỗ lực học tập, tu hành làm một người xuất gia có lòng nhẫn nhục lớn:

1 - Không so đo với người, lòng đạo càng tăng trưởng.

2 - Động viên khích lệ lẫn nhau, không coi thường người khác.

3 - Không tự ti học lực của mình kém, thân thể yếu hèn, trí lực không đủ.

4 - Không được nhàn rỗi, tán gẫu chuyện thế gian .

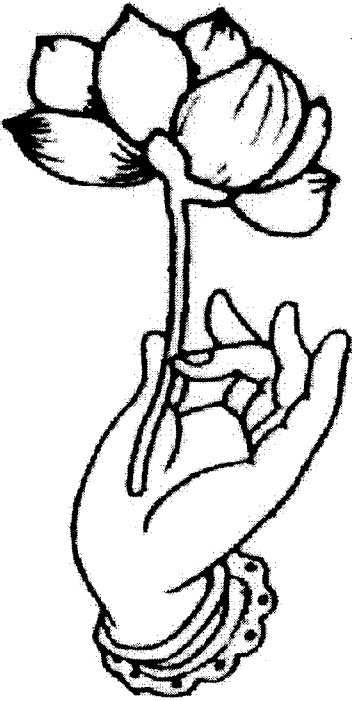
5 - Tâm luôn trối vào việc học tập, tu hành.

Nếu có thời gian thì nên trì chú niệm Phật, đừng để gián đoạn, như thế tự nhiên phiền não, nghiệp chướng tự tiêu trừ, thân tâm tự tại yên vui.



CÔNG ĐỨC CỦA NGƯỜI XUẤT GIA







**Người có trí tuệ thì luôn luôn chú ý
đến khuyết điểm của mình. Người ngu
si thì chỉ chú ý đến khuyết điểm của
người.**

Trích CÔNG ĐỨC NGƯỜI XUẤT GIA

SÁCH ẤN TỔNG

TỔ IN KINH VĨNH HOÀNG

CHÙA CAO LĨNH

Xã Bắc Sơn, huyện An Dương

Thành Phố Hải Phòng

Điện thoại 0313 – 229360 ; 589850

**CÔNG ĐỨC
CỦA NGƯỜI XUẤT GIA**



Tỳ kheo: Thích Giác Nghiên dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản

Biên tập: Thích Giác Nghiên

Sửa bản in: Thích Giác Nghiên

Trình bày: Thích Giác Nghiên

Bìa: Thích Giác Nghiên

“Wherever the Buddha’s teachings have flourished,
either in cities or countrysides,
people would gain inconceivable benefits.
The land and people would be enveloped in peace.
The sun and moon will shine clear and bright.
Wind and rain would appear accordingly,
and there will be no disasters.
Nations would be prosperous
and there would be no use for soldiers or weapons.
People would abide by morality and accord with laws.
They would be courteous and humble,
and everyone would be content without injustices.
There would be no thefts or violence.
The strong would not dominate the weak
and everyone would get their fair share.”

※ THE BUDDHA SPEAKS OF
THE INFINITE LIFE SUTRA OF
ADORNMENT, PURITY, EQUALITY
AND ENLIGHTENMENT OF
THE MAHAYANA SCHOOL ※

Taking Refuge with Bodhichitta

**I go for refuge, until I am enlightened,
to the Buddha, the Dharma and the Sangha.**

**Through the merit I create by practicing giving and the other
perfections,
may I quickly attain the state of Buddhahood for the benefit of
all sentient beings.**

The Prayers of the Bodhisattva

**With the wish to free all beings,
I will always go for refuge
to the Buddha, Dharma and Sangha
till I reach full enlightenment.
Enthused by the compassion and wisdom,
Today, in Buddha's presence,
I generate the Mind of Enlightenment,
for the sake of all sentient beings.
For as long as space remains,
and as long as sentient being remain,
until then, may I too remain
to dispel the sufferings of all beings.**

G R E A T V O W

**BODHISATTVA EARTH-TREASURY
(BODHISATTVA KSITIGARBHA)**

**“ Unless Hells become empty,
I vow not to attain Buddhahood;
Till all have achieved the Ultimate Liberation,
I shall then consider my Enlightenment full !”**

**Bodhisattva Earth-Treasury is
entrusted as the Caretaker of the World until
Buddha Maitreya reincarnates on Earth
in 5.7 billion years.**

Reciting the Holy Name:

NAMO BODHISATTVA EARTH-TREASURY

Karma-erasing Mantra:

OM BA LA MO LING TO NING SVAHA

With bad advisors forever left behind,
From paths of evil he departs for eternity,
Soon to see the Buddha of Limitless Light
And perfect Samantabhadra's Supreme Vows.

The supreme and endless blessings
of Samantabhadra's deeds,
I now universally transfer.
May every living being, drowning and adrift,
Soon return to the Pure Land of Limitless Light!

*** The Vows of Samantabhadra ***

I vow that when my life approaches its end,
All obstructions will be swept away;
I will see Amitabha Buddha,
And be born in His Western Pure Land of
Ultimate Bliss and Peace.

When reborn in the Western Pure Land,
I will perfect and completely fulfill
Without exception these Great Vows,
To delight and benefit all beings.

*** The Vows of Samantabhadra Avatamsaka Sutra ***

DEDICATION OF MERIT

May the merit and virtue
accrued from this work
adorn Amitabha Buddha's Pure Land,
repay the four great kindnesses above,
and relieve the suffering of
those on the three paths below.

May those who see or hear of these efforts
generate Bodhi-mind,
spend their lives devoted to the Buddha Dharma,
and finally be reborn together in
the Land of Ultimate Bliss.
Homage to Amita Buddha!

NAMO AMITABHA

南無阿彌陀佛

【越南文：出家的功德】

財團法人佛陀教育基金會 印贈
台北市杭州南路一段五十五號十一樓

Printed and donated for free distribution by
The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation
11F., 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.
Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415
Email: overseas@budaedu.org
Website: <http://www.budaedu.org>

This book is strictly for free distribution, it is not for sale.

KINH ẤN TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

Printed in Taiwan
9,000 copies; May 2010

VI086-8558

